

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

NGUYỄN THỊ YẾN NHI

**BẢO ĐẢM QUYỀN CON NGƯỜI CỦA NGƯỜI BỊ TẠM GIỮ
THEO PHÁP LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM
TỪ THỰC TIỄN TỈNH KIÊN GIANG**

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2017

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

NGUYỄN THỊ YẾN NHI

**BẢO ĐẢM QUYỀN CON NGƯỜI CỦA NGƯỜI BỊ TẠM GIỮ
THEO PHÁP LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM
TỪ THỰC TIỄN TỈNH KIÊN GIANG**

**Chuyên ngành: Luật hình sự và Tổ tụng hình sự
Mã số: 60.38.01.04**

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:
TS. ĐINH THỊ MAI**

HÀ NỘI - 2017

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT VỀ BẢO ĐẢM QUYỀN CON NGƯỜI CỦA NGƯỜI BỊ TẠM GIỮ THEO PLTTHS VN	6
1.1. Một số khái niệm liên quan đến bảo đảm quyền con người của người bị tạm giữ	6
1.2. Các quyền con người của người bị tạm giữ theo pháp luật Tổ tụng hình sự Việt Nam.....	122
1.3. Nội dung bảo đảm quyền con người của người bị tạm giữ theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam.....	255
1.4. Các yếu tố bảo đảm thực hiện quyền của người bị tạm giữ theo pháp luật Tố tụng hình sự Việt Nam.....	32
Chương 2: THỰC TRẠNG BẢO ĐẢM QUYỀN CON NGƯỜI CỦA NGƯỜI BỊ TẠM GIỮ TỪ THỰC TIỄN TỈNH KIÊN GIANG.....	38
2.1. Tổng quan thực trạng bảo đảm quyền con người của người bị tạm giữ trong Tố tụng hình sự từ thực tiễn tỉnh Kiên Giang.....	38
2.2. Thực trạng thực hiện quyền con người của người bị tạm giữ trong tố tụng hình sự từ thực tiễn tỉnh Kiên Giang	41
2.3. Thực trạng các yếu tố bảo đảm thực hiện quyền con người của người bị tạm giữ ..	53
Chương 3: GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM QUYỀN CON NGƯỜI CỦA NGƯỜI BỊ TẠM GIỮ TRONG PHÁP LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM	62
3.1. Định hướng và quan điểm hoàn thiện pháp luật về bảo đảm quyền con người của người bị tạm giữ trong pháp luật Tố tụng hình sự	622
3.2. Giải pháp bảo đảm quyền con người của người bị tạm giữ trong pháp luật Tố tụng hình sự.....	655
3.3. Giải pháp đối với thực tiễn bảo đảm quyền con người của người bị tạm giữ trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.....	68
KẾT LUẬN	733
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	755
PHỤ LỤC	

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

BLHS	: Bộ luật hình sự
BLTTHS	: Bộ luật Tố tụng hình sự
CQTHTT	: Cơ quan tiến hành tố tụng
CQĐT	: Cơ quan điều tra
ĐTV	: Điều tra viên
NTHTT	: Người tiến hành tố tụng
QĐTT	: Quyết định tố tụng
TTHS	: Tố tụng hình sự
VAHS	: Vụ án hình sự
VKS	: Viện kiểm sát
XHCN	: Xã hội chủ nghĩa

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 2.1: Bảng thống kê tình hình bắt giữ và phân loại từ năm 2011 – 2015.....44

Bảng 2.2: Thống kê tình hình giải quyết người bị tạm giữ từ 2011 đến 201546

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Quyền con người là một trong những quyền thiêng liêng, cơ bản và cũng luôn là khát vọng của toàn nhân loại. Quyền con người được sinh ra và đồng thời phải bảo đảm thực hiện như một lẽ tự nhiên. Bảo đảm quyền con người là một trong những nội dung và cũng là mục đích của xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN ở nước ta. Chăm lo đến con người, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho con người phát triển toàn diện trong việc thực hiện các chính sách kinh tế xã hội, trong các hoạt động Nhà nước là những quan điểm cơ bản được thể hiện trong các văn bản của Đảng và Nhà nước ta.

Hiến pháp, pháp luật nói chung và pháp luật TTHS nói riêng đã có những quy định bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị tạm giữ để quyền và lợi ích của họ không bị xâm hại, hạn chế những hành vi vi phạm pháp luật từ phía các cơ quan THTT. Tuy nhiên, pháp luật về bảo đảm quyền con người của người bị tạm giữ ở nước ta hiện nay vẫn còn một số bất cập, còn những quy định chưa rõ ràng, mâu thuẫn hoặc bỏ ngỏ và chưa có sự nhận thức một cách thống nhất về việc áp dụng pháp luật của những người tiến hành tố tụng.

Để nâng cao chất lượng hoạt động tư pháp Đảng đã có quan điểm chỉ đạo về cải cách tổ chức và hoạt động của các cơ quan tư pháp, được thể hiện rõ tại Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020, Bộ chính trị đã xác định mục tiêu là: Xây dựng nền tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, bảo vệ công lý từng bước hiện đại, phục vụ nhân dân, phụng sự Tổ quốc Việt Nam XHCN;

Thực tiễn áp dụng cho thấy trong quá trình giải quyết vụ án hình sự trên toàn lãnh thổ Việt Nam nói chung và trên địa bàn tỉnh Kiên Giang nói riêng tình trạng cơ quan, cá nhân có thẩm quyền tiến hành tố tụng xâm phạm đến các quyền con người, đặc biệt là quyền của người bị tạm giữ vẫn còn xảy ra.

Chính vì vậy, việc nhận thức đầy đủ và hoàn thiện các quy định về bảo vệ quyền của người bị tạm giữ và thực thi những quy định ấy trên thực tế, kiên quyết

xử lý nghiêm khắc các hành vi vi phạm là yêu cầu cấp thiết, góp phần chung vào quá trình xây dựng và phát triển đất nước xây dựng thành công nhà nước pháp quyền XHCN – Nhà nước của dân, do dân và vì dân.

Từ những điều trên học viên chọn đề tài *“Bảo đảm quyền con người của người bị tạm giữ theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Kiên Giang”* làm luận văn Thạc sỹ Luật học chuyên ngành Luật hình sự và tố tụng hình sự của mình.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Trong khoa học pháp lý nước ta cũng như quốc tế, vấn đề bảo đảm quyền con người nói chung, quyền con người trong hoạt động tư pháp cũng như quyền con người trong tố tụng hình sự đã được nhiều tác giả nghiên cứu từ các góc độ và với nhiều mức độ khác nhau. Vấn đề bảo vệ quyền con người của người bị tạm giữ theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam là một vấn đề rất nhạy cảm, phức tạp và luôn nhận được sự quan tâm của Đảng, Nhà nước và toàn xã hội.

Liên quan đến vấn đề này nhiều công trình đã được công bố có nội dung đề cập đến vấn đề bảo vệ quyền con người nói chung, trong tố tụng hình sự nói riêng. Cụ thể có nhiều công trình, bài tham luận như: Bảo vệ quyền con người trong luật hình sự và tố tụng hình sự Việt Nam của Tiến sỹ Trần Quang Tiệp; Bảo vệ quyền con người bằng pháp luật trong lĩnh vực tư pháp hình sự của GS-TSKH Lê Cẩm; Một số ý kiến về bảo vệ con người trong tố tụng hình sự Việt Nam của PGS – TS Phạm Hồng Hải; Đề tài luận văn thạc sỹ: Đảm bảo quyền con người của người bị tạm giữ, bị can trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự của tác giả Đoàn Văn Thuận; Bảo đảm quyền của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo trong tố tụng hình sự Việt Nam của tác giả Nguyễn Tiến Đạt; Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về bảo vệ các quyền con người bằng pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam của tác giả Nguyễn Như Hiến; Luận án Tiến sỹ: Bảo đảm quyền con người của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo trong tố tụng hình sự Việt Nam của tác giả Lại Văn Trình... các tác giả cũng đã phân tích làm rõ quyền con người của người bị tạm giữ trong tố tụng hình sự Việt Nam, một số tác giả đi sâu nghiên cứu và các nguyên tắc của BLTTHS liên quan

đến quyền con người, một số tác giả đi sâu phân tích về việc bảo đảm thực hiện quyền con người... những kết quả của các công trình nghiên cứu này cũng là những tri thức, hiểu biết quan trọng mà tác giả kế thừa có chọn lọc trong quá trình nghiên cứu đề tài của mình. Tuy nhiên, đến nay chưa có công trình khoa học nào tiếp cận một cách trọn vẹn, toàn diện, hệ thống, đồng bộ về vấn đề bảo đảm quyền con người của người bị tạm giữ theo pháp luật tố tụng hình sự từ thực tiễn tỉnh Kiên Giang. Vì vậy, trên cơ sở kế thừa những tri thức lý luận nền tảng, tác giả sẽ vận dụng đi sâu nghiên cứu về việc bảo đảm quyền con người của người bị tạm giữ theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Kiên Giang.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Mục đích của luận văn là nhằm làm sáng tỏ những hạn chế, bất cập, và đưa ra những biện pháp nhằm tăng cường bảo đảm quyền con người của người bị tạm giữ trong pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Kiên Giang.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Luận văn có nhiệm vụ: (1) nghiên cứu, làm rõ các vấn đề lý luận chung về quyền con người của người bị tạm giữ, (2) phân tích thực trạng quy định và thực hiện pháp luật tố tụng hình sự về quyền con người của người bị tạm giữ trên địa bàn tỉnh Kiên Giang, (3) đưa ra những giải pháp nhằm tăng cường bảo đảm quyền con người của người bị tạm giữ.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là bảo đảm quyền con người của người bị tạm giữ theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Kiên Giang. Để nghiên cứu về quyền con người của người bị tạm giữ tác giả dựa trên số liệu thống kê của Viện kiểm sát Nhân dân tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2011-2015 để đánh giá.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Đề tài nghiên cứu về việc bảo đảm quyền con người dưới góc độ lý luận, thực tiễn áp dụng từ năm 2011-2015 thực tiễn tỉnh Kiên Giang.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận

Trong quá trình thực hiện luận văn, học viên chủ yếu dựa trên cơ sở nhận thức lý luận về phép biện chứng duy vật của Chủ nghĩa Mác – Lê Nin và tư tưởng Hồ Chí Minh; các quan điểm chính sách của Đảng và Nhà nước và pháp luật về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa về bảo đảm quyền con người, quyền con người của người bị tạm giữ. *Phương pháp luận nghiên cứu* của Luận văn được thực hiện theo phương pháp luận của khoa học Luật tổ tụng hình sự, trong đó có sử dụng tri thức của các lĩnh vực khoa học Luật Hình sự, Nhân quyền học cũng như cách tiếp cận đa ngành và liên ngành luật học.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Các phương pháp cụ thể được sử dụng trong quá trình nghiên cứu kết hợp việc sử dụng các phương pháp như phương pháp lý luận, phân tích, so sánh, chứng minh...được sử dụng để làm rõ những vấn đề lý luận chung về bảo đảm quyền con người của người bị tạm giữ.

Phương pháp nghiên cứu, lý luận, phân tích, hệ thống, đối chiếu, suy luận, logic ... được sử dụng để làm rõ các vấn đề thực trạng về quyền con người của người bị tạm giữ từ thực tiễn tỉnh Kiên Giang.

Phương pháp tổng kết kinh nghiệm, phân tích, suy luận logic được sử dụng để kiến nghị hoàn thiện các giải pháp bảo đảm quyền con người của người bị tạm giữ.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

6.1. Ý nghĩa lý luận

Đề tài góp phần bổ sung hoàn thiện hơn về vấn đề lý luận về bảo đảm quyền con người của người bị tạm giữ, góp phần thực hiện áp dụng pháp luật hiệu quả trong thực tiễn bảo đảm quyền con người nói chung và quyền của người bị tạm giữ nói riêng.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Đề tài là một đóng góp khiêm tốn trong việc giải quyết một trong những nội dung cấp thiết hiện nay là vấn đề về quyền con người. Quy định về quyền con người là vô cùng quan trọng. Tuy nhiên, để quyền đó được thực thi trong cuộc sống, được mọi người tuân thủ và tôn trọng là vấn đề hết sức cần thiết và tất yếu.

7. Cơ cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, phụ lục, luận văn gồm 03 chương với cơ cấu như sau:

Chương 1: Những vấn đề lý luận và pháp luật về bảo đảm quyền con người của người bị tạm giữ theo pháp luật TTHS Việt Nam

Chương 2: Thực trạng bảo đảm quyền con người của người bị tạm giữ từ thực tiễn tỉnh Kiên Giang

Chương 3: Giải pháp bảo đảm quyền con người của người bị tạm giữ.

Chương 1
NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT
VỀ BẢO ĐẢM QUYỀN CON NGƯỜI CỦA NGƯỜI BỊ TẠM GIỮ
THEO PHÁP LUẬT TTHS VIỆT NAM

1.1. Một số khái niệm liên quan đến bảo đảm quyền con người của người bị tạm giữ

1.1.1 Khái niệm quyền con người và bảo đảm quyền con người

“Quyền con người là một phạm trù đa diện, do đó có nhiều định nghĩa khác nhau (theo một tài liệu của Liên hợp quốc, có đến gần 50 định nghĩa về quyền con người đã được công bố)¹. Mỗi định nghĩa tiếp cận vấn đề từ một góc độ nhất định, chỉ ra những thuộc tính nhất định, nhưng không định nghĩa nào bao hàm được tất cả các thuộc tính của quyền con người [16, tr.41].

Trong lịch sử chính trị - tư tưởng của nhân loại, thuật ngữ quyền con người (nhân quyền) thường được sử dụng, nhưng cho đến nay chưa có quan niệm hoàn toàn thống nhất về quyền con người trên phạm vi toàn thế giới cũng như trong phạm vi mỗi quốc gia.

Trên lập trường duy vật và trên cơ sở phương pháp luận khoa học biện chứng, Chủ nghĩa Mác –Lê Nin đưa ra quan niệm về vấn đề quyền con người xuất phát từ quan niệm coi con người vừa là sản phẩm tự nhiên, vừa là sản phẩm của xã hội và do đó quyền con người “về bản chất bao hàm cả hai mặt tự nhiên và xã hội” [8, tr.12].

Xét về mặt tự nhiên, quyền con người không phải là một “tặng vật” do giai cấp thống trị ban phát thông qua nhà nước mà quyền con người trong hình thức lịch sử tự nhiên của nó mang bản chất tự nhiên, được thể hiện ở quyền được sống, quyền tự do, quyền được sáng tạo, phát triển, quyền được đối xử như con người, xứng đáng với con người.

Xét về mặt xã hội, trong luận cương thứ VI về Phoi-ơ-Bắc, Các Mác cho rằng: “Trong tính hiện thực của nó, bản chất con người là tổng hòa những quan hệ xã hội” [8, tr21]. Do đó, “quyền con người, ngay từ khi có xã hội loài người, bên

cạnh bản tính tự nhiên còn in đậm bản tính xã hội” [8, tr.13]. Theo Mác: “Quyền con người là những đặc quyền chỉ có ở con người mới có, với tư cách là con người, là thành viên xã hội loài người [9, tr.14].

Quan điểm của chủ nghĩa Mác- Lenin về quyền con người không phải chỉ là phép cộng đơn giản đối với hai quan niệm về quyền con người nêu trên, bản chất hai mặt tự nhiên và xã hội của quyền con người có những thuộc tính phức tạp và luôn có sự thống nhất giữa hai mặt đối lập.

Như vậy, có thể hiểu quyền con người là một phạm trù tổng hợp, vừa là “chuẩn mực tuyệt đối” mang tính phổ biến, vừa là “sản phẩm tổng hợp của một quá trình lịch sử lâu dài luôn luôn tiến hóa và phát triển”. Quyền con người “không thể tách rời”, đồng thời cũng không hoàn toàn phụ thuộc vào trình độ phát triển kinh tế - xã hội ... quyền con người là một tổng thể những quyền gắn bó với nhau trong mối quan hệ biện chứng, đó là quyền cá nhân và quyền của dân tộc cộng đồng, quyền chính trị - dân sự và kinh tế văn hóa xã hội, quyền của cá nhân đi đôi với nghĩa vụ đối với xã hội ... [25, tr13].

Trong khoa học pháp lý Việt Nam, khái niệm quyền con người cũng đã được đề cập trong nhiều công trình nghiên cứu khoa học:

GS.TSKH Lê Văn Cẩm trên cơ sở phương pháp luận duy vật biện chứng của Chủ nghĩa Mác – Lê Nin, từ việc nghiên cứu bảo vệ quyền con người trong thực tiễn quốc tế cũng như ở Việt Nam đã đưa ra khái niệm đầy đủ và sâu sắc về quyền con người mà theo đó: “Quyền con người là một phạm trù lịch sử cụ thể, là giá trị cao quý nhất được thừa nhận chung của nền văn minh nhân loại và là đặc trưng vốn có cần được tôn trọng và không thể bị tước đoạt của bất kỳ cá nhân con người nào sinh ra trên trái đất, đồng thời phải được bảo vệ bằng pháp luật bởi các quốc gia thành viên liên hợp quốc, cũng như bởi cộng đồng quốc tế”[13, tr.11].

GS.TS. Võ Khánh Vinh thì quyền con người gắn chặt với hoạt động xã hội, các mối quan hệ xã hội và các phương thức sống của cá nhân. Quyền con người là biểu hiện tiêu chí tác động qua lại, củng cố các mối liên hệ, phối hợp hành động và hoạt động giữa con người và con người, ngăn ngừa các mâu thuẫn đối đầu và xung

đột giữa họ trên cơ sở kết hợp tự do cá nhân với tự do của những người khác, với hoạt động bình thường của nhà nước và xã hội. Những quyền như quyền được sống, quyền được tôn trọng danh dự, nhân phẩm, được bất khả xâm phạm về thân thể, được tự do ngôn luận, tự do chính kiến, tự do tín ngưỡng, được tham gia vào các quá trình chính trị là những điều kiện cần thiết để con người tổ chức đời sống trong xã hội văn minh và cần phải được nhà nước thừa nhận và bảo vệ một cách vô điều kiện [57, tr.13].

PGS.TS Nguyễn Văn Động đưa ra nhận xét chung về quyền con người đó là:

a) Là những giá trị quý báu được thừa nhận chung bởi toàn thể giới đồng thời gắn bó chặt chẽ với sự tồn tại và phát triển của mỗi cá nhân, mỗi quốc gia, mỗi dân tộc và cả cộng đồng quốc tế; b)Trực tiếp liên quan đến các lĩnh vực sinh hoạt vật chất và tinh thần của con người và góp phần quan trọng vào sự hình thành và phát triển nhân cách, tính nhân đạo và nhân văn của con người; c) các quyền con người tạo thành hệ thống thống nhất, quan hệ tác động lẫn nhau, phụ thuộc vào nhau ...[21, tr. 52-53].

Kế thừa những quan điểm khoa học nói trên, theo chúng tôi, khái niệm quyền con người được hiểu:

Quyền con người là quyền gắn liền với hoạt động xã hội của mỗi cá nhân nó có từ khi sinh ra cho đến khi chết đi, là quyền bất khả xâm phạm đối với mỗi cá nhân con người là những đòi hỏi chính đáng về tự do và những nhu cầu cuộc sống cơ bản cần được đáp ứng của con người.

Về tính chất, quyền con người không bị bó hẹp trong mối quan hệ giữa cá nhân với nhà nước mà thể hiện mối quan hệ giữa cá nhân với toàn thể cộng đồng nhân loại. Về phạm vi áp dụng, do không bị giới hạn bởi chế định quốc tịch, chủ thể của quyền con người là tất cả các thành viên của loài người, bất kể vị thế, hoàn cảnh, quốc tịch ... Nói cách khác, quyền con người được áp dụng một cách bình đẳng với tất cả mọi người thuộc mọi dân tộc đang sinh sống trên phạm vi toàn cầu, không phụ thuộc vào biên giới quốc gia, tư cách cá nhân hay môi trường sống của chủ thể quyền [16, tr.99].

Một cá nhân con người là người bị tạm giữ có quyền được tôn trọng và bảo vệ các quyền về con người không bị pháp luật hạn chế do bị tạm giữ như quyền bảo hộ tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm và các quyền chính trị, dân sự khác. Riêng đối với người bị tạm giữ do bị nghi thực hiện tội phạm, do bị truy nã, bị bắt khẩn cấp... trong những trường hợp này người bị tạm giữ rất dễ bị xâm phạm các quyền tự do dân chủ như quyền được bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, quyền bảo vệ lợi ích chính đáng như quyền được bảo vệ bí mật đời tư, quyền được bình đẳng trước pháp luật, quyền khiếu nại, tố cáo... chính vì vậy quyền con người được xem là quyền bất khả xâm phạm đối với mỗi cá nhân con người là những đòi hỏi chính đáng, cần thiết được pháp luật tôn trọng và bảo vệ.

Với việc đặt con người vào vị trí trung tâm của mọi chính sách, coi con người vừa là động lực, vừa là mục tiêu của công cuộc phát triển, đường lối đổi mới không chỉ tác động đến kinh tế, xã hội mà đồng thời chi phối mạnh mẽ nhận thức và thực tế bảo đảm quyền con người ở nước ta hiện nay.

Khái niệm bảo đảm quyền con người được hiểu là việc bảo đảm tính hợp pháp và hợp lý tất cả những gì mà nhà nước quy định cho cá nhân về quyền con người.

Việc bảo đảm quyền con người về cơ bản được bảo đảm thực hiện khi đáp ứng được các yếu tố:

- Bảo đảm quyền bình đẳng trước pháp luật: Bình đẳng trong bầu cử, ứng cử, tự ứng cử; bình đẳng trong quan hệ giữa các thành viên trong gia đình và nhiều dạng quan hệ dân sự khác, đặc biệt là bình đẳng trong hoạt động sản xuất – kinh doanh; bình đẳng trong lĩnh vực văn hóa – giáo dục, khoa học – công nghệ như quyền được học tập, quyền nghiên cứu, sáng tạo, chuyển giao, chuyển nhượng kết quả nghiên cứu ...

- Bảo đảm quyền bất khả xâm phạm về tính mạng, cụ thể: ngăn ngừa những hành vi xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm của con người (trong đó kể cả những bị can, bị cáo và những phạm nhân đang thi hành án phạt tù)...

– Bảo đảm một số quyền dân sự, chính trị khác: Quyền tự do ngôn luận, quyền tự do lập hội, hội họp, quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo...

1.1.2. Mối liên hệ giữa quyền con người với pháp luật tổ tụng hình sự Việt Nam

Mặc dù quyền con người là một phạm trù đa diện, song quyền con người có mối quan hệ chặt chẽ với pháp luật và được đảm bảo hơn khi có mối liên hệ mật thiết với pháp luật tổ tụng hình sự. Điều này trước hết là bởi cho dù quyền con người có là bẩm sinh vốn có (nguồn gốc tự nhiên) hay phải do các nhà nước quy định (nguồn gốc pháp lý), thì việc thực hiện các quyền vẫn cần có pháp luật, mà thông qua đó, nghĩa vụ tôn trọng và thực thi các quyền trở thành những quy tắc cư xử chung, có hiệu lực bắt buộc và thống nhất cho tất cả mọi chủ thể trong xã hội, chứ không phải chỉ tồn tại dưới dạng những quy tắc đạo đức. Chính vì vậy, quyền con người gắn liền với các quan hệ pháp luật và là một phạm trù pháp lý.

Thực tế cho thấy, với tư cách là chủ thể của pháp luật, con người – cùng với quyền, tự do và nghĩa vụ, những thuộc tính xã hội gắn liền với nó – luôn là đối tượng phản ánh của các hệ thống pháp luật. Pháp luật xác lập và bảo vệ sự bình đẳng hình thức giữa các cá nhân con người trong xã hội và sự độc lập tương đối của các cá nhân với tập thể, cộng đồng, nhà nước, thông qua việc pháp điển hóa các quyền và tự do tự nhiên, vốn có của cá nhân. Theo nghĩa này, pháp luật có vai trò đặc biệt, không thể thay thế trong việc ghi nhận, bảo vệ và thúc đẩy các quyền con người. Ở đây, vai trò của pháp luật với quyền con người thể hiện ở 02 khía cạnh chủ yếu: thứ nhất, pháp luật là phương tiện chính thức hóa, pháp lý hóa giá trị xã hội của các quyền tự nhiên và thứ hai, pháp luật là phương tiện bảo đảm giá trị thực tế của các quyền con người, là phương tiện hữu hiệu để bảo đảm các quyền con người [16, tr.53,54].

Vấn đề quyền con người, bảo đảm quyền con người trong tổ tụng hình sự được xuất phát trước hết từ mối quan hệ giữa quyền con người và những đảm bảo quyền con người trong nhà nước. Đây là mối liên hệ giữa cái chung và cái riêng. Cái chung đó là quyền con người, bảo đảm quyền con người trong nhà nước và cái

riêng đó là quyền con người và bảo đảm quyền con người trong tố tụng hình sự. Quyền con người, bảo đảm quyền con người trong tố tụng hình sự có những đặc thù khác với những lĩnh vực hoạt động nhà nước khác. Những đặc thù này chính là sự phản ánh của các hoạt động tố tụng hình sự, là lĩnh vực hoạt động nhà nước đặc biệt ở bất kỳ quốc gia nào trên thế giới. Để có thể phát hiện ra tội phạm, ngăn chặn các hành vi tội phạm, tiến hành các hoạt động tố tụng thì việc áp dụng các biện pháp cưỡng chế trong tố tụng hình sự là sự cần thiết khách quan, có tính phổ biến và hậu quả của nó là hạn chế một cách trực tiếp đến các quyền cơ bản của công dân do Hiến pháp quy định. Hoạt động tố tụng hình sự rất cần đến sự tham gia của các cơ quan nhà nước, các tổ chức, cá nhân nhưng đồng thời nó cũng thể hiện tính độc lập, chủ động của những người tiến hành tố tụng, do đó khả năng xảy ra các oan sai là điều khó có thể tránh khỏi. Từ sự lạm dụng quyền hạn của các CQTHTT cũng làm hạn chế trái pháp luật đến quyền con người. BLTTHS quy định cho người bị tạm giữ quyền bào chữa nhưng nếu không có những quy định, biện pháp bảo đảm thực hiện quyền này có tính khả thi thì quyền chủ thể quan trọng này của bị can, bị cáo chỉ tồn tại trong bộ luật mà không được thực thi trong cuộc sống. Trong tố tụng hình sự, các biện pháp bảo đảm pháp lý của quyền chủ thể tham gia tố tụng bao gồm các nguyên tắc cơ bản của TTHS, các quy định về thủ tục, trình tự tố tụng, các giai đoạn của TTHS, hoạt động điều tra, kiểm sát tuân theo pháp luật, các trách nhiệm của CQTHTT. Bảo đảm tố tụng chính là những cách thức, điều kiện do luật định khi thực hiện hành vi tố tụng cụ thể nhằm bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của chủ thể tham gia tố tụng, bảo đảm tính hợp pháp của các biện pháp cưỡng chế, chống lại sự tùy tiện, loại trừ những trường hợp oan sai [3, tr.40].

1.1.3. Khái niệm người bị tạm giữ và việc bảo đảm quyền con người của người bị tạm giữ

Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003 đã đưa ra khái niệm về người bị tạm giữ như sau: “*Người bị tạm giữ là **người bị bắt** trong trường hợp khẩn cấp, phạm tội quả tang, người bị bắt theo quyết định truy nã hoặc người phạm tội tự thú, đầu thú và đối với họ đã có quyết định tạm giữ*”.

BLTTHS 2015 sửa đổi: “Người bị tạm giữ là **người bị giữ** trong trường hợp khẩn cấp, bị bắt trong trường hợp phạm tội quả tang, bị bắt theo quyết định truy nã hoặc người phạm tội tự thú, đầu thú và đối với họ đã có quyết định tạm giữ”.

Như vậy, người bị tạm giữ có thể là người chưa bị khởi tố về hình sự, đó là những người bị bắt trong trường hợp khẩn cấp, phạm tội quả tang, trường hợp người phạm tội tự thú trước khi hành vi phạm tội bị phát hiện và khởi tố, và đối với họ đã có quyết định tạm giữ. Mặc dù họ chưa bị khởi tố về hình sự nhưng trên thực tế họ vẫn phải chịu sự cưỡng chế của cơ quan đã tạm giữ họ. Người bị tạm giữ bị hạn chế một số quyền nhất định, bị buộc phải khai báo hoặc trả lời các câu hỏi của cán bộ điều tra.

Người bị tạm giữ cũng có thể là người đã bị khởi tố về hình sự bao gồm: bị can, bị cáo, người bị kết án nhưng bỏ trốn, người đang chấp hành án bỏ trốn nhưng bị bắt theo quyết định truy nã hoặc người phạm tội ra đầu thú và đã có quyết định tạm giữ đối với họ.

Do đó, việc bảo đảm quyền con người của người bị tạm giữ, trong đó có bảo đảm các quyền lợi về bảo vệ sức khỏe, thân thể, tính mạng, danh dự và ngăn chặn dịch bệnh với những nhóm đối tượng cụ thể khác vì người bị tạm giữ chưa bị kết tội theo bản án có hiệu lực của pháp luật do Tòa án tuyên, chỉ trong trường hợp thật cần thiết mới áp dụng biện pháp tạm giữ. Vì vậy cần phải tính toán cụ thể để bảo đảm được quyền con người trong việc thực hiện chế độ tạm giữ, bảo đảm sự độc lập tương đối giữa công tác điều tra với quản lý tạm giữ, khắc phục và hạn chế vi phạm đặc biệt là dùng nhục hình.

1.2. Các quyền con người của người bị tạm giữ theo pháp luật Tổ tụng hình sự Việt Nam

1.2.1. Các quyền chung về quyền con người của người bị tạm giữ

Theo pháp luật TTHS Việt Nam hiện hành (BLTTHS 2003) người bị tạm giữ có những quyền con người sau đây:

- Quyền được tôn trọng và bảo vệ các quyền cơ bản của công dân (Điều 4), quy định rõ các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng ”*trong phạm vi*

trách nhiệm của mình cần phải tôn trọng và bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, thường xuyên kiểm tra tính hợp pháp và sự cần thiết của những biện pháp đã áp dụng, kịp thời hủy bỏ hoặc thay đổi những biện pháp đó, nếu xét thấy có vi phạm pháp luật hoặc không còn cần thiết nữa”.

- Quyền bình đẳng trước pháp luật (Điều 5), BLTTHS quy định trong *”tổ tụng hình sự tiến hành theo nguyên tắc mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật, không phân biệt dân tộc, nam nữ, tín ngưỡng, tôn giáo, thành phần xã hội, địa vị xã hội; bất cứ người nào phạm tội đều bị xử lý theo pháp luật”.*

- Quyền bất khả xâm phạm về thân thể (Điều 6), đây là một quyền rất quan trọng được pháp luật ghi nhận *”Không ai bị bắt, nếu không có quyết định của Toà án, quyết định hoặc phê chuẩn của VKS, trừ trường hợp phạm tội quả tang. Việc bắt và giam giữ người phải theo quy định của Bộ luật TTHS. Nghiêm cấm mọi hình thức truy bức, nhục hình”.*

- Quyền được bảo hộ tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản (Điều 7), ghi nhận *”công dân có quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản. Mọi hành vi xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản đều bị xử lý theo pháp luật”.* Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng có trách nhiệm áp dụng những biện pháp cần thiết, kịp thời để bảo vệ người tham gia tố tụng và người thân thích của người bị tạm giữ khi bị đe dọa đến tính mạng, sức khỏe, bị xâm phạm danh dự, nhân phẩm, tài sản theo quy định của pháp luật.

- Quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở, an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín (Điều 8), theo đó *”không ai được xâm phạm chỗ ở, an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín của công dân. Việc khám xét chỗ ở, khám xét, tạm giữ và thu giữ thư tín, điện tín phải theo đúng quy định của Bộ luật TTHS”.*

- Quyền được suy đoán vô tội (Điều 9), điểm mới trong quy định của BLTTHS 2003 ghi nhận *”không ai bị coi là có tội và phải chịu hình phạt khi chưa có bản án kết tội của Toà án đã có hiệu lực pháp luật”.* Khi chưa có bản án kết tội

của Tòa án thì người bị nghi thực hiện tội phạm vẫn được bảo đảm các quyền về con người.

- Quyền được bồi thường thiệt hại và phục hồi danh dự quyền lợi khi bị oan, sai (Điều 29, 30), theo đó khi bị thiệt hại, bị oan do cơ quan hoặc người có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự gây ra có quyền được bồi thường thiệt hại và phục hồi danh dự, quyền lợi. *”Cơ quan có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự đã làm oan phải bồi thường thiệt hại và phục hồi danh dự, quyền lợi cho người bị oan; người đã gây thiệt hại có trách nhiệm bồi hoàn cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật”*.

Ngoài ra, BLTTHS năm 2015 còn qui định bổ sung các quyền mà người bị tạm giữ được hưởng gồm:

- Quyền được tôn trọng và bảo vệ quyền con người và lợi ích hợp pháp (Điều 8) *”Khi tiến hành tố tụng, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải tôn trọng và bảo vệ quyền con người, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân; thường xuyên kiểm tra tính hợp pháp và sự cần thiết của những biện pháp đã áp dụng, kịp thời hủy bỏ hoặc thay đổi những biện pháp đó nếu xét thấy có vi phạm pháp luật hoặc không còn cần thiết”*.

- Quyền được Bảo đảm quyền bất khả xâm phạm về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình (Điều 12), theo đó không ai được xâm phạm trái pháp luật chỗ ở, đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình, an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác của cá nhân. Việc khám xét chỗ ở; khám xét, tạm giữ và thu giữ thư tín, điện thoại, điện tín, dữ liệu điện tử và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác phải được thực hiện theo quy định của BLTTHS.

- Quyền không bị kết án hai lần vì một tội phạm (Điều 14), theo đó không được khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử đối với người mà hành vi của họ đã có bản án của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, trừ trường hợp họ thực hiện hành vi nguy hiểm khác cho xã hội mà BLHS quy định là tội phạm.

- Bên cạnh đó BLTTHS 2015 còn quy định về quyền im lặng, chi tiết cụ thể tại các Điều 58 khoản 1 điểm e, Điều 59 khoản 2 điểm c, Điều 60 khoản 1 điểm d, Điều 61 khoản 2 điểm h. Theo đó, các điều khoản này lần lượt ghi nhận: người bị bắt giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị tạm giữ, bị can và bị cáo đều có quyền trình bày ý kiến, trình bày lời khai, không buộc phải đưa ra lời khai chống lại chính mình hoặc buộc phải nhận mình có tội.

Như vậy, có thể hiểu người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can, bị cáo có quyền tự chủ về việc khai báo. Những gì bất lợi, họ có thể không buộc phải khai báo cũng như không buộc phải nhận mình có tội trước cơ quan tiến hành tố tụng hình sự. *Trong các điều khoản trên, tuy không trực tiếp ghi nhận quyền im lặng cho người bị bắt khẩn cấp, người bị tạm giữ, bị can, bị cáo, nhưng trong thực tế khi làm việc với các cơ quan tố tụng, họ có thể không trả lời một số câu hỏi mà họ cho là chống lại họ và họ cũng không buộc phải khai nhận mình có tội. Đây có thể được coi là một nội dung của quyền im lặng, quy định này nhằm bảo đảm tính minh bạch của pháp luật, tạo sự nhận thức thống nhất trong quá trình lấy lời khai và hỏi cung.* Trên thực tế cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng luôn mong đợi sự hợp tác của người bị buộc tội, nhưng nếu không nhận được sự hợp tác tích cực của người bị buộc tội thì cũng không thể coi đó là tình tiết tăng nặng được. Bộ luật Hình sự hiện hành cũng không coi người bị buộc tội không trả lời cơ quan, người tiến hành tố tụng những vấn đề bất lợi cho bản thân, không buộc phải nhận tội hay “ngoan cố, không khai báo thành khẩn” là tình tiết tăng nặng.

Tuy nhiên, quyền im lặng không loại trừ quyền khai báo của người bị buộc tội. Người bị tạm giữ, tạm giam, bị can, bị cáo có quyền khai báo sau khi được giải thích về quyền im lặng. Việc nhận tội của bị can, bị cáo luôn được xem là tình tiết giảm nhẹ trong quyết định hình phạt đối với bị cáo. Quyền im lặng có mối quan hệ chặt chẽ, mật thiết với quyền bào chữa, bổ sung cho nhau để bảo đảm cho tố tụng hình sự được tiến hành đúng đắn, khách quan, tránh làm oan người vô tội. Quyền nhờ người khác bào chữa là một phần cụ thể của quyền im lặng và quyền im lặng là bảo đảm quan trọng cho việc thực hiện quyền bào chữa cho người bị tạm giữ, bị

can, bị cáo, hạn chế được oan sai trong tố tụng hình sự. Như vậy, với việc luật quy định về các quyền của bị can, bị cáo, sự thay đổi này đã mang lại một tinh thần mới trong pháp luật, mang lại một phong cách làm việc mới cho các cơ quan tiến hành tố tụng, nâng cao mức độ bảo vệ quyền công dân bảo đảm quyền con người được thực hiện.

- Một trong những điểm mới đáng chú ý, thể hiện tinh thần bảo hiến một cách rõ ràng là việc người bị tạm giữ, tạm giam *“được thực hiện quyền bầu cử theo quy định của Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân, quyền bỏ phiếu trưng cầu ý dân theo quy định của Luật trưng cầu ý dân”* (quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 9 Luật thi hành tạm giữ, tạm giam). Bởi vì quyền bầu cử là một trong những quyền cơ bản của công dân và người đang bị tạm giam, tạm giữ cũng được thực hiện quyền bầu cử vì về mặt pháp lý, những người này chưa bị coi là có tội nên không bị tước mất quyền bầu cử. Cụ thể:

- Điều 16 Hiến pháp năm 2013 quy định: *“Không ai bị phân biệt đối xử trong đời sống chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội”*. Tại khoản 1, Điều 31 Hiến pháp 2013 nêu rõ: *“Người bị buộc tội được coi là không có tội cho đến khi được chứng minh theo trình tự luật định và có bản án kết tội của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật”*.

- Điều 13 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 cũng nêu: *“Người bị buộc tội được coi là không có tội cho đến khi được chứng minh theo trình tự, thủ tục do Bộ luật này quy định và có bản án kết tội của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật. Khi không đủ và không thể làm sáng tỏ căn cứ để buộc tội, kết tội theo trình tự, thủ tục do Bộ luật này quy định thì cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải kết luận người bị buộc tội không có tội”*.

Liên quan tới điều luật trên, cũng như làm rõ hơn quyền bầu cử của người bị tạm giữ, tạm giam thì Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng Nhân dân quy định tại khoản 5, Điều 29 như sau: *“Cử tri là người đang bị tạm giam, tạm giữ, người đang chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc được ghi tên vào danh sách cử tri để bầu đại biểu Quốc hội và đại*

biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh nơi người đó đang bị tạm giam, tạm giữ, đang chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc”.

- Khoản 4, Điều 69 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng Nhân dân quy định: “... *Đối với cử tri là người đang bị tạm giam, người đang chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc mà trại tạm giam, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc không tổ chức khu vực bỏ phiếu riêng hoặc cử tri là người đang bị tạm giữ tại nhà tạm giữ thì Tổ bầu cử mang hòm phiếu phụ và phiếu bầu đến trại tạm giam, nhà tạm giữ, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc để cử tri nhận phiếu bầu và thực hiện việc bầu cử*”.

Như vậy, với các quy định mới về các quyền con người của người bị tạm giữ theo quy định của BLTTHS 2003 và BLTTHS mới 2015 này đã mang lại một tinh thần mới trong pháp luật, mang lại một phong cách làm việc mới cho các cơ quan tiến hành tố tụng, nâng cao mức độ bảo vệ quyền con người một cách đầy đủ theo đúng tinh thần của Hiến pháp năm 2013 đã quy định.

1.2.2. Các quyền của người bị tạm giữ trong tố tụng hình sự Việt Nam

Theo quy định tại khoản 2 điều 48 BLTTHS 2003 thì các quyền của người bị tạm giữ bao gồm: a) Được biết lý do mình bị tạm giữ; b) Được giải thích quyền và nghĩa vụ; c) Trình bày lời khai; d) Tự bào chữa hoặc nhờ người khác bào chữa; đ) Đưa ra tài liệu đồ vật, yêu cầu; e) Khiếu nại về việc tạm giữ, quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 59 BLTTHS 2015 thì người bị tạm giữ có quyền: a) Được biết lý do mình bị tạm giữ; nhận quyết định tạm giữ, quyết định gia hạn tạm giữ, quyết định phê chuẩn quyết định gia hạn tạm giữ và các quyết định tố tụng khác theo quy định của Bộ luật này; b) Được thông báo, giải thích về quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều này; c) Trình bày lời khai, trình bày ý kiến, không buộc phải đưa ra lời khai chống lại chính mình hoặc hạ phải nhận mình có tội; d) Tự bào chữa, nhờ người khác bào chữa; đ) Đưa ra chứng cứ, tài liệu, đồ vật yêu cầu; e) Trình bày ý kiến về chứng cứ, tài liệu, đồ vật liên quan và yêu cầu người có thẩm

quyền tiến hành tố tụng kiểm tra, đánh giá; g) Khiếu nại quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng về việc tạm giữ.

- *Quyền được biết lý do mình bị tạm giữ*: Quyền này thể hiện tính chất quan trọng của việc một người bị nghi ngờ phạm tội cần được biết lý do mình bị cơ quan có thẩm quyền bắt giữ về hành vi gì, phạm vào điều luật nào của BLHS. Bởi vì, mục đích của việc tiến hành các trình tự tố tụng là nhằm xác định một người có phạm tội hay không và nếu phạm tội thì phải chịu hình phạt như thế nào. Do vậy, người bị nghi phạm tội cần phải biết rằng mình bị tạm giữ về hành vi gì thì họ mới có thể đưa ra các chứng cứ gỡ tội cho mình.

Người bị tạm giữ là người bị bắt trong trường hợp khẩn cấp, phạm tội quả tang, người bị bắt theo lệnh truy nã hoặc người phạm tội tự thú, đầu thú và đối với họ đã có quyết định tạm giữ. Bởi vì, việc tạm giữ là hậu quả tố tụng của việc bắt quả tang, bắt khẩn cấp, truy nã, đầu thú hoặc tự thú; cho nên, người bị tạm giữ có quyền được biết tại sao họ bị bắt quả tang, bị bắt khẩn cấp, quyết định truy nã hoặc việc tự thú, đầu thú của họ. Đối với người bị tạm giữ trong những trường hợp bắt nêu trên có quyền được đọc biên bản bắt người và có quyền ghi ý kiến của mình vào biên bản và ký xác nhận. Sau khi nhận người bị bắt khẩn cấp, bắt quả tang theo quyết định truy nã hoặc người phạm tội tự thú, đầu thú thì cơ quan có thẩm quyền phải giao ngay quyết định tạm giữ, quyết định gia hạn tạm giữ, quyết định phê chuẩn quyết định gia hạn tạm giữ và các quyết định tố tụng khác liên quan đến người bị tạm giữ. Các quyết định tạm giữ phải ghi rõ họ tên, địa chỉ của người bị tạm giữ, lý do tạm giữ, ngày hết hạn hoặc gia hạn tạm giữ và phải giao cho người bị tạm giữ một bản. Trên cơ sở pháp luật quy định việc người bị tạm giữ được giao một bản quyết định tạm giữ là hiện thực hóa quyền được biết lý do bị tạm giữ của người bị tạm giữ. Đây là một quyền rất quan trọng và cũng là một quyền có ảnh hưởng rất lớn đến việc thực hiện các quyền khác của người bị tạm giữ đã được BLTTHS 2015 sửa đổi và bổ sung đầy đủ; đồng thời cũng thể hiện sự công bằng, bình đẳng và tiến bộ của pháp luật hình sự Việt Nam. Bởi lẽ, các CQTHTT là những người nhân danh Nhà nước, sử dụng quyền lực Nhà nước để tiến hành các

HĐTT đối với người bị tạm giữ, vì thế cho nên đối với người bị tạm giữ được biết lý do mình bị tạm giữ căn cứ theo điều, khoản nào của BLHS một cách công khai, minh bạch thì mới có thể tiến hành tự bào chữa cho mình hoặc nhờ người khác bào chữa.

Quyền được biết lý do tạm giữ của người bị tạm giữ trên thực tế có được bảo đảm hay không phụ thuộc rất nhiều vào hoạt động của CQTHTT và NTHTT thông qua việc giao quyết định tạm giữ cho người bị tạm giữ vào giải thích quyền và nghĩa vụ cho họ. Pháp luật TTHS đã có những quy định khá cụ thể, đầy đủ về quyền được biết lý do mình bị tạm giữ của người bị tạm giữ nhưng trên thực tế áp dụng các quy định về quyền này của người bị tạm giữ vẫn chưa thực sự được bảo đảm. Nguyên nhân là do các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã không giải thích và không cho người bị tạm giữ biết lý do họ bị tạm giữ. Thực tế việc được giao quyết định tạm giữ cho người bị tạm giữ để người tạm giữ ký vào quyết định tạm giữ, phục vụ cho việc hợp thức hóa đầy đủ thủ tục là đã giao quyết định cho người bị tạm giữ và làm căn cứ pháp lý lưu trong hồ sơ của CQĐT và lý do khác phát sinh từ phía người bị tạm giữ, do trình độ hiểu biết pháp luật còn nhiều hạn chế ... Chính vì vậy nên dễ dẫn đến tình trạng người bị tạm giữ không có được sự chuẩn bị chu đáo về các chứng cứ, giấy tờ, tài liệu, tờ khai ... có lợi nhất để bảo vệ cho quyền lợi của mình hay tìm sự trợ giúp về pháp luật để bào chữa cho mình. Đây cũng là nguyên nhân khiến cho chủ thể THTT khó có thể xác định được hành vi vi phạm pháp luật của người bị tạm giữ là vi phạm hình sự hay vi phạm hành chính, nhiều trường hợp dẫn đến bắt người vô tội và cũng có thể khiến CQTHTT bỏ lọt tội phạm.

- *Quyền được giải thích về quyền và nghĩa vụ:* Đặt mình vào vị thế của người bị tạm giữ, khi bị cơ quan có thẩm quyền tạm giữ, bị hạn chế các quyền nhân thân, quyền tự do ... thì chúng ta sẽ rất mong muốn biết được mình có những quyền và nghĩa vụ gì để giúp cho mình có thể tự bảo vệ hoặc nhờ người khác bảo vệ quyền lợi hợp pháp của mình, tuy nhiên không phải ai khi ở trong tình trạng bị tạm giữ cũng có đủ sự chín chắn và hiểu biết để yêu cầu được biết mình có quyền và nghĩa

vụ gì. Chính vì vậy, quyền được giải thích về quyền và nghĩa vụ của người bị tạm giữ đã được BLTTHS quy định. Việc thực hiện được quyền này của người bị tạm giữ đồng nghĩa với việc các CQTTT, NTHTT phải thực hiện tốt nghĩa vụ của mình. Đó là, nghĩa vụ thông báo, giải thích cho người bị tạm giữ hiểu rõ họ có những quyền và nghĩa vụ gì khi tham gia vào quá trình tố tụng, để khiến họ yên tâm, tin tưởng vào pháp luật và có thể sử dụng pháp luật để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Việc bảo đảm quyền này của người bị tạm giữ cũng có ý nghĩa rất lớn trong việc bảo đảm quyền con người của người bị tạm giữ cũng như góp phần nhanh chóng kịp thời giải quyết vụ án, xác minh sự thật vụ án. Tuy nhiên, trên thực tế quyền được giải thích về quyền và nghĩa vụ của người bị tạm giữ không phải lúc nào được bảo đảm. Như đã trình bày, để thực hiện tốt quyền này của người bị tạm giữ thì CQTTT và NTHTT phải thực hiện tốt nghĩa vụ của mình là thông báo, giải thích cho người tạm giữ biết rõ mình có quyền và nghĩa vụ gì. Nhưng thực tế cho thấy vì nhiều lý do khác nhau mà quyền này của người tạm giữ gần như khó được bảo đảm. Trong nhiều trường hợp là do sự yếu kém trong chuyên môn, nghiệp vụ của NTHTT đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình; cũng có trường hợp là do sự thiếu hiểu biết về pháp luật, sự “yếu thế” trong quá trình tham gia TTHS của người bị tạm giữ nên mặc dù không được giải thích về quyền và nghĩa vụ của mình, người bị tạm giữ vẫn “không dám” yêu cầu được biết mình có quyền và nghĩa vụ gì khi bị tạm giữ và NTHTT cũng “quên” luôn việc phải thông báo, giải thích về quyền và nghĩa vụ của người bị tạm giữ.

- *Quyền trình bày lời khai của người bị tạm giữ:* Theo quy định của BLTTHS thì người bị tạm giữ có quyền trình bày lời khai, trình bày ý kiến về những vấn đề liên quan đến việc họ bị bắt giữ, bị truy nã, tự thú, đầu thú. Trong lời khai trước CQĐT, người bị tạm giữ trình bày về những tình tiết liên quan đến việc họ bị tình nghi thực hiện tội phạm. Cơ quan ra quyết định tạm giữ có trách nhiệm lập biên bản ghi lời khai của người bị tạm giữ. Lời khai đó chỉ được coi là một loại nguồn chứng cứ trong TTHS, khi nó được thể hiện hợp pháp bằng biên bản ghi lời khai của người bị tạm giữ được ĐTV đọc lại cho người bị tạm giữ nghe hoặc người

bị tạm giữ tự đọc lại lời khai và có chữ ký của ĐTV, chữ ký hoặc điểm chỉ của người bị tạm giữ (nếu người bị tạm giữ không biết chữ) vào biên bản. Tuy nhiên, theo quy định của BLTTHS 2015 thì người bị tạm giữ “không buộc phải đưa ra lời khai chống lại chính mình hoặc buộc phải nhận mình có tội” đây là một điểm mới rất tiến bộ và vô cùng quan trọng đối với việc quy định về quyền của người bị tạm giữ, thực tế nhiều trường hợp người bị tạm giữ bị ép phải khai theo hướng của CQTHTT. Việc trình bày lời khai của người bị tạm giữ là quyền chứ không phải nghĩa vụ. Theo đó, người bị tạm giữ sử dụng quyền này của mình để khai báo những tình tiết có lợi cho mình nhằm chứng minh mình vô tội hoặc phạm tội ở mức độ nhẹ hơn tội đã bị khởi tố hay đưa ra những tình tiết, lý do để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho mình. Cũng có trường hợp người bị tạm giữ từ chối không khai báo về hành vi của mình. Trong những trường hợp mà họ từ chối khai báo hay khai báo gian dối thì họ cũng không phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi đó. Trong mọi trường hợp CQĐT cần phải tôn trọng quyền được trình bày lời khai của người bị tạm giữ - người bị tình nghi là đã thực hiện hành vi trái pháp luật, ta có thể xác định sự thật một cách khách quan, không 편 diện. Tuy nhiên, trong thực tế có những NHTTT không quan tâm hoặc “cố tình quên” việc trình bày lời khai là quyền của người bị tạm giữ chứ không phải nghĩa vụ mà người bị tạm giữ phải thực hiện.

Qua khảo sát thực tế tại các CQTHTT thì ngay cả những ĐTV, KSV có kinh nghiệm cũng vẫn coi việc trình bày lời khai của người bị tạm giữ như là nghĩa vụ phải khai báo chi tiết các tình tiết, hành vi mà họ thực hiện (thực hiện một phần hoặc không thực hiện). Điều này, là một trong những nguyên nhân dẫn đến tình trạng mớm cung, bức cung đối với người bị tạm giữ, khiến cho họ cảm thấy việc quy định của pháp luật về quyền của họ gần như phi thực tế. Bởi vì, trong thời gian bị tạm giữ, nếu chưa có đủ cơ sở để xác định hành vi vi phạm pháp luật của họ thì NHTTT liên tục “thăm vấn, lấy lời khai” đối với người bị tạm giữ, nhằm gây áp lực trong thời gian họ bị tạm giữ, nhiều khi buộc họ phải khai nhận cả những hành vi mà họ không thực hiện ... Điều đó, dẫn đến sai lầm trong kết quả điều tra vụ án và nghiêm trọng hơn là việc làm đó của NHTTT đã vi phạm pháp luật, xâm hại đến

quyền của người bị tạm giữ. Thực tế hiện nay cho thấy thì quyền trình bày lời khai của người bị tạm giữ chưa được bảo đảm.

- *Quyền tự bào chữa hoặc nhờ người khác bào chữa*: Quyền tự bào chữa hoặc nhờ người khác bào chữa của người bị tạm giữ được quy định tại điểm d khoản 2 điều 48 BLTTHS hướng dẫn chi tiết thủ tục nhờ người bào chữa cho người bị tạm giữ trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự tại điều 4 Thông tư số 70/2011/TT-BCA ngày 10/10/2011. Theo quy định của pháp luật, khi giao quyết định tạm giữ cho người bị tạm giữ, ĐTV phải đọc và giải thích cho họ biết rõ về quyền và nghĩa vụ của người bị tạm giữ theo quy định tại BLTTHS và lập biên bản giao nhận quyết định tạm giữ. Trong biên bản phải ghi rõ ý kiến của người bị tạm giữ, về việc có nhờ người bào chữa hay không. Quyền tự bào chữa hoặc nhờ người khác bào chữa là một quyền quan trọng của người bị tạm giữ trong TTHS. Theo đó người bị tạm giữ có quyền đưa ra những lý lẽ chứng minh mình không phạm tội, không liên quan đến sự việc mà họ bị bắt giữ và để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình trong quá trình tham gia tố tụng. Quyền tự bào chữa không phải là một quyền độc lập, tách rời với các quyền khác của người bị tạm giữ mà quyền tự bào chữa chính là sự tổng hòa các quyền của người bị tạm giữ trong TTHS để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Bởi vì khi tham gia vào quá trình tố tụng, ngoài việc người bị tạm giữ đưa ra những lý lẽ, chứng cứ để “gỡ tội” cho mình thì người bị tạm giữ còn thực hiện quyền tự bào chữa của mình thông qua việc thực hiện các quyền như quyền trình bày lời khai, quyền đưa ra tài liệu, đồ vật yêu cầu ... Việc thực hiện các quyền này, không chỉ nhằm gỡ tội mà còn nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp khác của người bị tạm giữ. Thông qua quyền tự bào chữa của người bị tạm giữ, Nhà nước đã cho phép người bị tạm giữ tự vệ, chống lại sự “buộc tội” của cơ quan tiến hành tố tụng. Có thể thấy, quy định này của pháp luật đã thể hiện sự bình đẳng giữa người bị tạm giữ với những NTHTT. Mặc dù một bên là người bị buộc tội, không có quyền lực với một bên là những người mang quyền lực được Nhà nước giao cho. Tuy nhiên, do hạn chế về kiến thức pháp luật, kỹ năng bào chữa và có thể đang bị tạm giữ nên người bị tạm giữ không thể thực hiện được việc tự bào chữa có hiệu

quả. Họ cần có người khác có khả năng để bào chữa. Do đó, bên cạnh quyền tự bào chữa pháp luật đã quy định quyền nhờ người khác bào chữa cho mình. Quyền này thể hiện sự bảo đảm của pháp luật cho quyền tự bào chữa của người bị tạm giữ. Pháp luật bảo đảm cho người bị tạm giữ được nhờ người khác bào chữa cho mình nếu không thể tự mình bào chữa. Người được người bị tạm giữ nhờ bào chữa phải là người có đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật.

- *Quyền được đưa ra tài liệu, đồ vật, yêu cầu:* Theo quy định này của pháp luật thì người bị tạm giữ có quyền đưa ra những tài liệu, đồ vật nhằm chứng minh họ không liên quan đến vụ việc mà vì do họ bị bắt giữ, họ cũng có quyền yêu cầu xác minh lại sự việc, yêu cầu CQĐT đưa ra những bằng chứng được coi là có căn cứ bắt giữ họ. Bởi vì, người bị tạm giữ được quyền đưa ra tài liệu, đồ vật hoặc những yêu cầu phù hợp sẽ giúp cho cơ quan điều tra xác minh có hay không hành vi phạm tội của người bị tạm giữ một cách nhanh chóng, kịp thời hơn, đáp ứng được yêu cầu trong việc phân loại, xử lý người bị tạm giữ của CQĐT. Hiện nay, quyền này của người bị tạm giữ vẫn chưa thực sự được bảo đảm. Nguyên nhân xuất phát từ chính những NTHTT, họ không thấy hết tầm quan trọng khi không xem xét một cách khách quan những tài liệu, đồ vật, yêu cầu mà người bị tạm giữ đưa ra, đã vội vàng bác bỏ khi thấy chúng không phù hợp với hướng điều tra của mình. Cụ thể như những vi phạm đó có thể thấy ngay trong cách đặt câu hỏi với người bị tạm giữ. Những câu hỏi chỉ có dạng trả lời là “có” hay “không” đã không tạo điều kiện cho người bị tạm giữ có cơ hội được đưa ra những tài liệu, đồ vật, yêu cầu của mình. Thậm chí, không tôn trọng quyền của người bị tạm giữ, có thể dẫn đến việc mớm cung, bức cung và dùng nhục hình. Không ít ĐTV đã muốn những lời khai của người bị tạm giữ phải phù hợp với chứng cứ mà họ đã thu thập được nhằm nhanh chóng kết thúc vụ án mà bỏ qua những lời khai phản ánh đúng sự thật khách quan của vụ án (lời khai khác với chứng cứ đã thu thập được). Nếu việc đưa ra tài liệu, đồ vật, yêu cầu của người bị tạm giữ đưa ra mâu thuẫn với những tài liệu mà CQĐT thu thập được sẽ gây khó khăn cho cơ quan điều tra trong quá trình THTT, CQĐT

cần xác minh, làm rõ và tôn trọng quyền đưa ra tài liệu, đồ vật, yêu cầu của người bị tạm giữ và bảo đảm quyền này được thực hiện trên thực tế.

- *Quyền trình bày ý kiến về chứng cứ, tài liệu, đồ vật liên quan và yêu cầu người có thẩm quyền THPT kiểm tra, đánh giá:* BLTTHS 2015 đã bổ sung thêm quyền trình bày ý kiến về chứng cứ, tài liệu, đồ vật liên quan và yêu cầu người có thẩm quyền THPT kiểm tra, đánh giá. Đây là một quyền rất quan trọng đối với người bị tạm giữ, ngoài việc có quyền đưa ra những chứng cứ, tài liệu, đồ vật, yêu cầu thì người bị tạm giữ còn có quyền trình bày ý kiến của mình về các chứng cứ, tài liệu, đồ vật liên quan đến vụ việc của mình. Bên cạnh việc có quyền trình bày, nêu rõ ý kiến của mình thì người bị tạm giữ còn có quyền yêu cầu THPT kiểm tra, đánh giá về các chứng cứ, tài liệu, đồ vật liên quan đến người bị tạm giữ nhằm đảm bảo thực hiện một cách khách quan, toàn diện nhất trong việc xem xét và đánh giá các chứng cứ, tài liệu, đồ vật liên quan đến vụ việc của người bị tạm giữ.

- *Quyền khiếu nại về việc tạm giữ, quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng:* Các quy định về khiếu nại, tố cáo trong tố tụng hình sự là những bảo đảm pháp lý, những công cụ quan trọng để cơ quan, tổ chức, công dân giám sát hoạt động của những người có thẩm quyền THPT, những người được thay mặt Nhà nước thực hiện quyền lực trong lĩnh vực nhạy cảm đối với quyền công dân, quyền con người nhằm bảo đảm cho những hoạt động này được thực hiện nghiêm túc, không xâm hại tới các quyền con người đặc biệt đối với người bị tạm giữ.

BLTTHS 2015 quy định, cơ quan, tổ chức, cá nhân không chỉ có quyền khiếu nại QĐTT mà còn có quyền khiếu nại cả hành vi tố tụng của người có thẩm quyền THPT khi có căn cứ cho rằng quyết định, hành vi tố tụng đó là trái pháp luật, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình (điều 325 BLTTHS 2003; điều 469 BLTTHS 2015); người khiếu nại có quyền được khôi phục quyền, lợi ích bị xâm phạm, được bồi thường thiệt hại do quyết định, hành vi trái pháp luật gây ra (điều 326 BLTTHS 2003; điều 472 BLTTHS 2015); người bị khiếu nại có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả do quyết định, hành vi trái pháp luật của mình

gây ra cho người khiếu nại (điều 327 BLTTHS 2003; điều 473 BLTTHS 2015). Công dân có quyền tố cáo với cơ quan, cá nhân có thẩm quyền về hành vi vi phạm pháp luật của người có thẩm quyền THTT gây ra hoặc đe dọa gây thiệt hại lợi ích Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, cơ quan, tổ chức (điều 334 BLTTHS 2003; điều 478 BLTTHS 2015). Người bị tố cáo có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả do hành vi trái pháp luật của mình gây ra (điều 336 BLTTHS 2003; điều 480 BLTTHS 2015). Vì thế người bị tạm giữ có quyền khiếu nại không chỉ về việc tạm giữ và các quyết định liên quan đến việc tạm giữ của cơ quan có thẩm quyền mà còn có quyền khiếu nại các hành vi tổ tụng của cơ quan, người có thẩm quyền THTT khi có căn cứ cho rằng quyết định, hành vi đó là trái pháp luật, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

Người bị tạm giữ thực hiện quyền này nếu thấy việc mình bị tạm giữ là sai, trái với quy định của pháp luật và không có căn cứ, các quyết định khác có liên quan như khám nhà, khám người, tạm giữ đồ vật, tài liệu khi khám xét; trong quá trình lấy lời khai, cán bộ điều tra đã có những hành vi bức cung, mớm cung, nhục hình hoặc không bảo đảm các quyền của người bị tạm giữ theo quy định của pháp luật ... không phải trong mọi trường hợp mọi quyết định và hành vi tổ tụng của cơ quan, NTHTT đều đúng theo quy định của pháp luật. Do vậy, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị tạm giữ thì người bị tạm giữ có quyền khiếu nại đối với những hành vi sai, trái và không đúng theo quy định của pháp luật của CQHTT VÀ NTHTT nêu trên.

1.3. Bảo đảm quyền con người của người bị tạm giữ theo pháp luật tổ tụng hình sự Việt Nam

Bảo đảm quyền con người của người bị tạm giữ theo pháp luật tổ tụng hình sự Việt Nam gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

1.3.1. Bảo đảm các quyền con người của người bị tạm giữ

Các quyền cơ bản của con người của người bị tạm giữ đã được quy định trong Hiến pháp và các văn bản pháp luật khác như luật bầu cử, Bộ luật dân sự, Luật sở hữu trí tuệ ... là công dân, người bị tạm giữ, bị can, bị cáo có quyền được

tôn trọng và bảo đảm các quyền được pháp luật quy định, trừ các trường hợp BLTTHS 2003 quy định khác nhằm đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ tố tụng hình sự.

Phải nói rằng, trong khoa học luật tố tụng hình sự, vấn đề bảo đảm quyền con người, người bị tạm giữ chưa được chú ý nhiều. TTHS là hoạt động đặc biệt liên quan đến việc khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử VAHS liên quan đến việc phát hiện và xử lý hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định là tội phạm và xử phạt người phạm tội. Vì vậy, để đạt được mục đích của TTHS, pháp luật TTHS của bất kỳ một quốc gia nào cũng có quy định về những biện pháp cưỡng chế tố tụng, các hành vi, quyết định tố tụng đụng chạm đến quyền, lợi ích của người bị tạm giữ. Hay nói cách khác, cưỡng chế TTHS, khả năng ảnh hưởng của hoạt động TTHS tới các quyền con người của con người, của người bị tạm giữ là tất yếu.

Từ góc độ bảo đảm quyền con người trong TTHS nói chung, quyền con người của người bị tạm giữ nói riêng, những vấn đề quan trọng, có tính quyết định ở chỗ: (1) Xác định đầy đủ, chính xác địa vị tố tụng (quyền và nghĩa vụ tố tụng) của các chủ thể TTHS, trong đó có quyền, nghĩa vụ của CQTHTT, NTHTT, của người bị tạm giữ; (2) Xác định hợp lý sự cần thiết và mức độ sử dụng các biện pháp cưỡng chế tố tụng, nhất là các biện pháp ngăn chặn đối với họ; (3) Quy định các nguyên tắc và thủ tục tố tụng hợp lý để hạn chế đến mức thấp nhất các vi phạm quyền con người nhưng vẫn bảo đảm hiệu quả của TTHS; (4) Quy định đầy đủ, rõ ràng quyền khiếu nại, tố cáo của họ đối với các hành vi vi phạm từ phía CQTHTT, NTHTT ...

Việc bảo đảm các quyền con người của người bị tạm giữ trong TTHS chủ yếu tập trung vào một số nội dung sau:

Thứ nhất, quy định đúng đắn, hợp lý về nội dung và thực hiện các nguyên tắc TTHS. Trong khoa học luật TTHS, các nguyên tắc TTHS được phân chia thành các nhóm khác nhau để nghiên cứu, bao gồm: (1) Các nguyên tắc bảo đảm pháp chế trong hoạt động tố tụng; (2) Các nguyên tắc liên quan đến việc xác định sự thật khách quan của vụ án; (3) Các nguyên tắc thể hiện tính dân chủ trong hoạt động tố tụng; (4) Các nguyên tắc bảo đảm quyền con người của người tham gia tố tụng [44, tr.34-46] [18,tr.125-133] [20].

Trong số các nguyên tắc TTTHS cơ bản được quy định trong BLTTHS 2003, các nguyên tắc thuộc nhóm thứ tư thể hiện rõ nhất quan điểm của người làm luật liên quan đến bảo đảm các quyền, lợi ích hợp pháp của người bị tạm giữ. Đó là: nguyên tắc tôn trọng và bảo vệ các quyền cơ bản của công dân (điều 4), nguyên tắc bảo đảm quyền bình đẳng của mọi công dân trước pháp luật (điều 5), nguyên tắc bảo đảm quyền bất khả xâm phạm về thân thể của công dân (điều 6), nguyên tắc bảo hộ tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản của công dân (điều 7), nguyên tắc bảo đảm quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở, an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín của công dân (điều 8), nguyên tắc không ai bị coi là có tội khi chưa có bản án kết tội của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật (điều 9), nguyên tắc bảo đảm quyền bào chữa của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo (điều 11), nguyên tắc bảo đảm quyền được bồi thường thiệt hại và phục hồi danh dự, quyền lợi của người bị oan (điều 29), nguyên tắc bảo đảm quyền được bồi thường của người bị thiệt hại do cơ quan hoặc người có thẩm quyền tiến hành tố tụng gây ra (điều 30)...

Thứ hai, quy định đầy đủ, hợp lý địa vị pháp lý của các chủ thể tố tụng hình sự. Chỉ bằng cách quy định đầy đủ, cụ thể quyền hạn, nhất là quyền hạn trong quyết định hoặc thực hiện các biện pháp cưỡng chế tố tụng cũng như trách nhiệm của cơ quan, người tiến hành tố tụng, nhất là trách nhiệm bảo đảm cho người tham gia tố tụng thực hiện các quyền tố tụng của mình, chế độ trách nhiệm đối với vi phạm pháp luật của mình trước công dân ... thì mới hạn chế được việc lạm quyền của các cơ quan, cá nhân để gây thiệt hại cho người tham gia tố tụng, bảo đảm cho công dân thực hiện các quyền tố tụng để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

Việc quy định quyền và nghĩa vụ tố tụng của người tham gia tố tụng nói chung, người bị tạm giữ nói riêng. Việc quy định đầy đủ các quyền tố tụng của người bị tạm giữ là bảo đảm pháp lý quan trọng để họ sử dụng bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đồng thời cũng là cơ sở pháp lý làm phát sinh trách nhiệm của các CQTHTT, NTHTT bảo đảm cho việc thực hiện các quyền của người bị tạm giữ cũng như trách nhiệm pháp lý khi các CQTHTT, NTHTT vi phạm quyền của người tham gia tố tụng.

Thứ ba, quy định hợp lý các biện pháp cưỡng chế tố tụng. Tính cưỡng chế trong tố tụng hình sự biểu hiện ở nhiều hình thức, biện pháp tố tụng khác nhau như các biện pháp ngăn chặn, thủ tục tiến hành các biện pháp điều tra (khám xét, xem xét dấu vết, thu giữ vật chứng ...) tuy nhiên, việc quy định và áp dụng các biện pháp ngăn chặn là ảnh hưởng lớn nhất đến quyền con người của người bị tạm giữ.

Thực tiễn tố tụng những năm qua cho thấy các vấn đề như thẩm quyền, căn cứ áp dụng các biện pháp ngăn chặn cụ thể, thời hạn tạm giữ, tạm giam ... là những vấn đề đang có ý kiến khác nhau và cũng gây không ít bức xúc trong dư luận xã hội trong việc bảo đảm quyền con người trong hoạt động tố tụng ở nước ta.

Thứ tư, quy định các thủ tục TTHS dân chủ, công khai. Dân chủ hóa các mặt đời sống xã hội, trong đó có hoạt động tố tụng là xu thế tất yếu của Nhà nước pháp quyền. Dân chủ hóa quá trình TTHS, bảo đảm cho những người tham gia tố tụng, nhất là người bị tạm giữ thực hiện các quyền tố tụng của mình là những biện pháp hiệu quả bảo đảm quyền công dân của người bị tạm giữ.

Thứ năm, quy định và thực hiện việc giám sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động của CQTHTT, NTHTT;

Thứ sáu, quy định cụ thể quyền khiếu nại của người bị tạm giữ đối với hành vi, quyết định của CQTHTT, NTHTT;

Thứ bảy, quy định đầy đủ và chặt chẽ chế độ trách nhiệm đối với việc vi phạm quyền con người trong TTHS ...

Khắc phục được những hạn chế thiếu sót của BLTTHS 2003 thì BLTTHS 2015 có nhiều những nội dung, quy định có tính nguyên tắc và là sự cụ thể hóa các quy định của Hiến pháp 2013 về việc bảo đảm quyền của con người của người bị tạm giữ như:

Thứ nhất, cụ thể hóa quy định tại khoản 1 Điều 20 Hiến pháp 2013 vào (Điều 8) BLTTHS thành quy định Quy định về tôn trọng và bảo vệ quyền con người quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân: Khi tiến hành tố tụng, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, cơ quan, người có thẩm quyền THTT phải tôn trọng và bảo vệ quyền con người, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân; thường xuyên

kiểm tra tính hợp pháp và sự cần thiết của các biện pháp đã áp dụng, kịp thời hủy bỏ hoặc thay đổi những biện pháp đó nếu xét thấy có vi phạm pháp luật hoặc không còn cần thiết.

Thứ hai, quy định về bảo đảm quyền bất khả xâm phạm về thân thể: Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về thân thể không ai bị bắt nếu không có quyết định của Tòa án, quyết định hoặc phê chuẩn của VKS, trừ trường hợp phạm tội quả tang. Việc giữ người trong trường hợp khẩn cấp, việc bắt, tạm giữ, tạm giam người phải theo quy định của Bộ luật này. Nghiêm cấm tra tấn, bức ung, nhục hình hay bất kỳ hình thức đối xử nào khác xâm phạm thân thể, tính mạng, sức khỏe của con người (Điều 10).

Thứ ba, cụ thể hóa khoản 5 Điều 31 Hiến pháp 2013 thành quy định tại (Điều 11) BLTTHS về bảo hộ tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản của cá nhân. Mà theo đó, mọi người có quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản. Mọi hành vi xâm phạm trái pháp luật tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản của cá nhân bị xử lý theo pháp luật. Ngoài ra, luật tạm giữ, tạm giam năm 2015 cũng có ghi nhận nguyên tắc quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam: “Bảo đảm nhân đạo; không tra tấn, truy bức, nhục hình hay bất kỳ hình thức đối xử nào khác xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của người bị tạm giữ, người bị tạm giam”; khoản 1 Điều 8 quy định hành vi bị nghiêm cấm “Tra tấn, truy bức, dùng nhục hình, các hình thức đối xử, trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo, hạ nhục con người hoặc bất kỳ hình thức nào khác xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của người bị tạm giữ, người bị tạm giam”. Một trong những quyền của người bị tạm giữ, tạm giam được pháp luật bảo đảm theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 9 “Được bồi thường thiệt hại theo quy định của Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước nếu bị giam, giữ trái pháp luật”.

Thứ tư, ghi nhận nguyên tắc suy đoán vô tội theo tinh thần của Hiến pháp 2013 quy định tại khoản 1 Điều 31 và (Điều 13) BLTTHS theo đó người bị buộc tội được coi là không có tội cho đến khi được chứng minh theo trình tự, thủ tục do Bộ luật này quy định và có bản án kết tội của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật. Khi

không đủ và không thể làm sáng tỏ căn cứ để buộc tội, kết tội theo trình tự, thủ tục do Bộ luật này quy định thì cơ quan, người có thẩm quyền THTT phải kết luận người bị buộc tội không có tội. Tại điểm d khoản 1 Điều 58; điểm c khoản 2 Điều 59; điểm d khoản 2 Điều 60 và điểm h khoản 2 Điều 61 BLTTHS quy định người bị tạm giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị bắt theo quyết định truy nã; người bị tạm giữ, bị can, bị cáo có quyền: “trình bày lời khai, trình bày ý kiến, không buộc phải đưa ra lời khai chống lại chính mình hoặc buộc phải nhận mình có tội”. Có thể nói, quy định về *quyền im lặng* này góp phần chống việc bức cung, nhục hình, bảo vệ quyền con người và phù hợp với nền tố tụng tiến bộ của nhiều nước trên thế giới.

Thứ năm, cụ thể hóa quy định tại khoản 4 Điều 31 Hiến pháp 2013 vào (Điều 16) BLTTHS “Bảo đảm quyền bào chữa của người bị buộc tội, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại, đương sự”. Người bị buộc tội có quyền tự bào chữa, nhờ luật sư hoặc người khác bào chữa. Cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng có trách nhiệm thông báo, giải thích vào bảo đảm cho người bị buộc tội, bị hại, đương sự thực hiện đầy đủ quyền bào chữa, quyền lợi ích hợp pháp của họ theo quy định của Bộ luật này. Thực tiễn thi hành BLTTHS 2003 cho thấy, khoản 1 Điều 58 BLTTHS năm 2003 quy định “người bào chữa tham gia tố tụng từ khi khởi tố bị can. Trong trường hợp bắt người theo quy định tại Điều 81 và Điều 82 của Bộ luật này thì người bào chữa tham gia tố tụng từ khi có quyết định tạm giữ...” mặc dù pháp luật quy định nhưng việc tham gia vào các giai đoạn tố tụng hình sự ban đầu của người bào chữa là rất khó khăn và ít thực hiện được trên thực tế. Người bào chữa chủ yếu chỉ được tham gia bào chữa khi cơ quan điều tra đã hoàn tất các hoạt động điều tra và chuyển sang giai đoạn truy tố. Do đó, trong khoảng thời gian từ khi bị bắt, bị tạm giữ, tạm giam đến khi truy tố có nhiều khả năng cũng như nguy cơ xảy ra các hành vi tra tấn, bức cung, nhục hình sẽ được thực hiện và việc oan, sai là điều khó tránh. Vì vậy để hạn chế thực hiện các hành vi nêu trên thì người bào chữa cần phải có mặt, tham gia ngay từ giai đoạn tố tụng ban đầu. Cụ thể, trong giai đoạn khởi tố vụ án thì người bào chữa tham gia từ khi một người bị bắt (trong trường hợp khẩn cấp, phạm tội quả tang), bị tạm giữ, tạm giam. Đồng thời phải quy định quyền

của người bào chữa là có mặt khi lấy lời khai của người bị bắt, bị tạm giữ khi hỏi cung bị can.

Ngoài ra, các nguyên tắc tố tụng khác ở mức độ này hay mức độ khác, góc độ này hay góc độ khác đều trực tiếp hay gián tiếp liên quan đến việc bảo đảm quyền con người của người tham gia tố tụng nói chung và của người bị tạm giữ nói riêng trong TTHS.

1.3.2. Bảo đảm các quyền tố tụng của người bị tạm giữ trong tố tụng hình sự Việt Nam

Bảo đảm quyền con người của người bị tạm giữ ở góc độ này là bảo đảm cho họ có địa vị pháp lý phù hợp để bảo vệ mình trước việc bị nghi thực hiện tội phạm, bị buộc tội và những điều kiện pháp lý cũng như thực tế để bảo đảm họ thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng được pháp luật quy định. Là người bị nghi thực hiện tội phạm (người bị tạm giữ), người bị tạm giữ là người tham gia tố tụng có vị trí trung tâm quyết định trong quá trình tố tụng hình sự. Mọi hoạt động tố tụng hình sự đều tập trung vào việc xác định tội phạm và người thực hiện tội phạm để trên cơ sở đó có quyết định xử lý phù hợp với quy định pháp luật. Vì vậy, có thể nói các quy định của BLTTHS, các hoạt động tố tụng hình sự của cơ quan, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đều trực tiếp hay gián tiếp, ít hay nhiều liên quan đến người bị tạm giữ.

Bảo đảm các quyền tố tụng của người bị tạm giữ trong TTHS là xây dựng cơ sở pháp lý và tạo điều kiện trên thực tế để: (1) Những người bị tạm giữ có khả năng chứng minh, bác bỏ sự nghi ngờ phạm tội từ phía người và cơ quan có thẩm quyền, bác bỏ sự buộc tội của cơ quan có thẩm quyền và làm giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với tội phạm mà người đó thực hiện; (2) Những người có thẩm quyền THTT xác định chính xác, khách quan tội phạm, người phạm tội và áp dụng đúng đắn các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án.

1.4. Các yếu tố bảo đảm thực hiện quyền của người bị tạm giữ

1.4.1. Bảo đảm về mặt pháp lý

Hiện nay, khi nói đến việc bảo đảm quyền con người của người tạm giữ thì người ta thường nghĩ ngay đến những hành vi bị bức cung, nhục hình đối với người phạm tội hoặc nghi ngờ phạm tội và thực tế trong xã hội có rất nhiều trường hợp đã xảy ra, quyền con người nói chung và của người tạm giữ nói riêng đang bị xâm hại và chưa được bảo vệ một cách tốt nhất. Trong những năm gần đây, truyền thông trong nước đã đưa ra nhiều thông tin và con số về những cái chết bất thường trong các trại tạm giam, nhà tạm giữ và nhiều vụ bị can, bị cáo bị bức cung, nhục hình. Tuy nhiên, đó chỉ là một phần của bề nổi của tảng băng chìm, thực tế quyền của người bị tạm giữ vẫn đang bị xâm hại. Xét về bản chất của việc tạm giữ chỉ nhằm ngăn chặn người bị tạm giữ bỏ trốn, cản trở quá trình tố tụng nó đồng nghĩa với việc tạm thời cách ly người đó ra khỏi xã hội trong thời gian luật định để phục vụ điều tra, tức là hạn chế quyền tự do đi lại, cư trú và làm công việc chuyên môn của người bị tạm giữ. Tuy nhiên, người bị tạm giữ hiện nay còn bị hạn chế nhiều về quyền con người, quyền công dân căn bản hơn thế trong số đó có những quyền hết sức thiêng liêng như tự do tôn giáo, tín ngưỡng, tinh thần và nhiều quyền phục vụ cho chính việc xác định sự thật khách quan của vụ án và để bảo đảm thực hiện quyền con người của người bị tạm giữ Đảng và Nhà nước ta đã có tầm nhìn rộng hơn thông qua các kỳ họp Quốc hội thể hiện qua các dự thảo luật sửa đổi và đi vào áp dụng trong thực tiễn đối với việc bảo đảm quyền con người nói chung và quyền của người tạm giữ nói riêng góp phần chống bức cung, nhục hình, bảo vệ quyền con người phù hợp với nền tố tụng tiến bộ chung của nhiều nước trên thế giới, nó phù hợp với Công ước quốc tế về quyền dân sự và chính trị được Đại hội đồng Liên hợp quốc thông qua theo Nghị quyết số 2200 A (XXI) ngày 16/12/1966, có hiệu lực ngày 23/3/1976 mà Việt Nam đã gia nhập ngày 24/9/1982.

Trên cơ sở thực tiễn giữa Việt Nam và các nước vấn đề bảo vệ quyền con người luôn là vấn đề trọng tâm, hàng đầu được Đảng và Nhà nước ta đặc biệt quan tâm. Vì thế để bảo đảm quyền con người của người bị tạm giữ trong TTTHS thì

CQTHTT có quyền áp dụng Hiến pháp 2013 làm cơ sở pháp lý cao nhất trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật Việt Nam. Riêng đối với các quy định chuyên ngành như BLTTHS 2003, thông tư số 70/2011/TT-BCA ngày 10/10/2011 quy định chi tiết thi hành các quy định của BLTTHS liên quan đến việc bảo đảm quyền bào chữa trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự, Nghị định 89/1998/NĐ-CP ngày 07/11/1998, Nghị định 98/2002/NĐ-CP, Nghị định 13/VBHN-BCA ngày 07/4/2014 về ban hành quy chế tạm giữ, tạm giam, BLTTHS 2015, luật tạm giữ, tạm giam 2015, Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước 2009.

Việc bảo đảm quyền con người của người bị tạm giữ trong TTHS về mặt pháp lý (bảo đảm pháp lý) theo tác giả đây là một bảo đảm rất quan trọng cần chú trọng và bảo đảm thực hiện một số nội dung cơ bản sau:

Thứ nhất, cần thiết bảo đảm tuân thủ, thực hiện tốt các nguyên tắc bảo đảm quyền con người của người bị tạm giữ theo pháp luật TTHS Việt Nam. Đây là cơ sở, tiền đề quan trọng đảm bảo cho việc tiếp thu và đưa pháp luật đi vào cuộc sống, tôn trọng quyền con người, tránh được những hiện tượng bắt người tùy tiện, bắt oan, sai không đúng trình tự, thủ tục quy định

Thứ hai, cần quy định hợp lý cụ thể địa vị pháp lý của người bị tạm giữ; quy định cụ thể quyền hạn, trách nhiệm của CQTHTT, NTHTT trong từng giai đoạn tố tụng. Mặc dù, hiện nay các quy định của BLTTHS đã ghi nhận quyền của mỗi chủ thể khi tham gia trong các giai đoạn tố tụng tuy nhiên việc thực thi những quyền này thực tế còn nhiều bất cập và thường bị bỏ qua hoặc “lãng quên” gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người bị tạm giữ mà đáng lý ra những quyền đó của họ phải được tôn trọng và bảo vệ.

Thứ ba, cần có quy định đầy đủ và hợp lý về quá trình thu thập những tài liệu, chứng cứ và quyền trình bày ý kiến về chứng cứ của người bị tạm giữ.

Thứ tư, cần quy định cụ thể về điều kiện, thủ tục áp dụng các biện pháp cưỡng chế tố tụng nói chung, các biện pháp ngăn chặn nói riêng đối với người bị tạm giữ. Bởi vì việc áp dụng các biện pháp cưỡng chế hay biện pháp ngăn chặn về bản chất là sự vận dụng các quy định của pháp luật hạn chế một số quyền nhất định

của người bị tạm giữ trong thời gian tạm giữ, việc tạm giữ này nhằm bảo vệ trật tự pháp luật, đảm bảo quá trình điều tra tuy nhiên cần chú ý đến quyền và lợi ích hợp pháp của người bị áp dụng (người bị tạm giữ). Bởi người bị áp dụng biện pháp ngăn chặn chưa phải là tội phạm (bị nghi tội phạm), họ chỉ bị hạn chế một số quyền như quyền tự do đi lại, cư trú, quyền bất khả xâm phạm về thân thể, quyền được bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm. Do đó, cần thiết phải bảo đảm việc vận dụng này không tùy tiện.

Thứ năm, cần quy định đầy đủ và chặt chẽ chế độ trách nhiệm đối với NTHTT, giải quyết nhanh những trường hợp bị bắt, tạm giữ oan, sai. Thực tế hiện nay đã có Luật bồi thường Nhà nước là cơ sở pháp lý quan trọng bảo đảm quyền lợi chính đáng của những người bị oan, sai được quyền khiếu nại, tố cáo yêu cầu bồi thường thiệt hại, bồi hoàn, khắc phục hậu quả do quyết định, hành vi tố tụng trái pháp luật của NTHTT gây ra. Tuy nhiên, việc giải quyết bồi thường hiện nay chưa thật sự hiệu quả.

1.4.2. Bảo đảm về mặt tổ chức

Bảo đảm về mặt tổ chức nhằm thực hiện bảo đảm quyền con người của người bị tạm giữ. Việc bảo đảm thực hiện các quyền này các CQTHTT góp phần không nhỏ trong việc bảo đảm quyền con người nói chung và quyền con người của người bị tạm giữ nói riêng trong pháp luật TTHS Việt Nam cần thiết có sự phối hợp, hỗ trợ giữa CQĐT và VKS, đề cao trách nhiệm của cá nhân người ra lệnh bắt, người thi hành lệnh bắt để đúng người phạm tội tránh oan, sai, bên cạnh đó cần tôn trọng và bảo đảm những quyền và lợi ích chính đáng của người bị tạm giữ.

Việc bảo đảm quyền con người của người bị tạm giữ trong TTHS về mặt tổ chức (bảo đảm về mặt tổ chức) cần bảo đảm thực hiện một số nội dung cơ bản sau:

Thứ nhất, cần nhanh chóng bổ sung đủ số lượng đồng thời nâng cao chất lượng điều tra viên, kiểm sát viên đáp ứng đòi hỏi yêu cầu của công tác điều tra, giải quyết các vụ án hình sự. Cần thường xuyên học tập, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, ý thức chính trị, đề cao ý thức tổ chức kỷ luật. Nắm chắc các quy định của pháp luật về việc bắt, tạm giữ; hiểu rõ tính chất, mục đích của các biện

pháp tạm giữ, bảo đảm thực hiện việc bắt, tạm giữ đúng quy định của pháp luật, phải có lệnh và phê chuẩn của VKS, hạn chế tình trạng “tiền trạm hậu tẩu” khi bắt người tạm giữ, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của người bị tạm giữ trong quá trình bắt, tạm giữ khi giải quyết vụ.

Thứ hai, phối hợp và tạo điều kiện thuận lợi cho luật sư tham gia quá trình bắt, tạm giữ khi giải quyết vụ án đảm bảo tính khách quan, đúng pháp luật.

Thứ ba, bảo đảm trách nhiệm chứng minh tội phạm và bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người bị tạm giữ.

Thứ tư, đối với VKS chỉ phê chuẩn lệnh bắt khi đã xác định rõ căn cứ chứng tỏ người bị bắt tạm giữ đó sẽ gây khó khăn cho công tác điều tra vụ án. VKS phải phối hợp chặt chẽ với CQĐT, nghiên cứu kỹ các tài liệu liên quan đến vụ án, gặp trực tiếp hỏi kỹ càng điều tra viên, những người có liên quan đến vụ án và cả người bị bắt về các tình tiết của vụ án để quyết định phê chuẩn hay không phê chuẩn lệnh bắt tạm giữ. Mỗi kiểm sát viên cần luôn đề cao trách nhiệm, ý thức pháp luật, ý thức chính trị trong quá trình thực thi công vụ của mình.

1.4.3. Đảo đảm về mặt nhận thức

Việc bảo đảm quyền con người của người bị tạm giữ trong TTHS về mặt nhận thức cần bảo đảm thực hiện một số nội dung cơ bản sau:

Thứ nhất, cần nâng cao nhận thức của CQTHTT, NTHTT trong việc nhận thức đúng tầm quan trọng về quyền của người bị tạm giữ và bảo đảm các quyền của người bị tạm giữ được thực hiện.

Thứ hai, quyền tự bào chữa hoặc nhờ người khác bào chữa cần phải bảo đảm thực hiện một cách triệt để hiệu quả và được các chủ thể THTT nhận thức đúng nội dung, ý nghĩa và tầm quan trọng của nó. Bởi vì họ là những người trực tiếp thực hiện các hoạt động tố tụng nên việc đòi hỏi họ phải nhận thức được việc bảo đảm quyền con người nói chung và quyền con người của người bị tạm giữ nói riêng đặc biệt là quyền tự bào chữa và nhờ người khác bào chữa; việc nhận thức các quyền này bảo đảm bảo cho việc giải quyết vụ án một cách khách quan, toàn diện, đầy đủ, bảo đảm công bằng, đúng pháp luật.

Thứ ba, thực tiễn trong hoạt động TTHS vẫn còn xuất hiện nhiều trường hợp, tư tưởng xem nhẹ vai trò của người bào chữa và một số biểu hiện cản trở gây khó khăn cho luật sư khi tham gia tố tụng điều này vô tình làm giảm đi hiệu quả trong công cuộc đấu tranh chống tội phạm. Tư cách tham gia tố tụng của người bào chữa chưa thực sự bình đẳng với NTHTT, là quyền năng phát sinh của người bị bắt, bị tạm giữ dường như hoàn toàn phụ thuộc vào sự chấp thuận hay không của CQTHTT. Người bào chữa chưa được bình đẳng trong việc thu thập, đánh giá chứng cứ nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho người bị nghi là thực hiện tội phạm. Chính vì vậy, để tiếp cận quyền tự bào chữa hoặc nhờ người khác bào chữa của người bị tạm giữ một cách hiệu quả đòi hỏi phải có sự nhận thức rõ từ các CQTHTT cùng với sự hợp tác và hỗ trợ từ phía CQTHTT dưới nhiều hình thức như giải thích rõ cho người bị tạm giữ về quyền bào chữa hoặc nhờ người bào chữa, hướng dẫn viết đề nghị người bào chữa, yêu cầu Đoàn luật sư chỉ định Luật sư bào chữa ... để bảo đảm quyền con người của người bị tạm giữ được thực hiện một cách toàn diện theo tinh thần cải cách tư pháp 2020.

1.4.4. Bảo đảm kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm đối với hành vi xâm phạm quyền con người của người bị tạm giữ

Thực tiễn cho thấy, người bị tạm giữ là người tham gia tố tụng có vị trí trung tâm trong quá trình giải quyết vụ án. Họ là người bị CQTHTT coi là người đã thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội được BLHS quy định là tội phạm. Trong những năm qua hoạt động đấu tranh, phòng chống tội phạm được thực hiện tại tỉnh Kiên Giang nhìn chung có hiệu quả, các quy định của BLTTHS được các CQTHTT và người THTT chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất quyền con người của người bị tạm giữ về cơ bản được thực hiện. Tuy nhiên, nhìn từ góc độ bảo đảm quyền con người của người bị tạm giữ tại tỉnh Kiên Giang nói chung vẫn còn một số hạn chế như tình trạng bắt giữ người khi chưa có lệnh bắt, lạm dụng việc tạm giữ hành chính, đe dọa, đánh mắng người bị tạm giữ, các quy định của BLTTHS còn bị vi phạm. Do đó, cần nâng cao ý thức, trình độ năng lực của NTHTT, quy định rõ chế độ trách nhiệm đối với NTHTT, tăng cường hiệu quả giám sát hoạt động tư pháp từ

phía các CQTHTT, thường xuyên kiểm tra, giám sát và xử lý nghiêm NTHTT khi phát hiện có những hành vi xâm phạm quyền con người của người bị tạm giữ và phải bồi thường thiệt hại và phục hồi danh dự, quyền lợi cho người bị oan, trường hợp nghiêm trọng có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

KẾT LUẬN CHƯƠNG I

Bảo đảm quyền con người là vấn đề rất quan trọng, luôn được Đảng và Nhà nước và nhân dân quan tâm, bảo vệ. Bằng nhiều văn bản pháp luật khác nhau như Hiến pháp, Bộ luật hình sự, Bộ luật Tố tụng hình sự... Nhà nước đã chính thức ghi nhận và bảo đảm quyền con người, quyền công dân, coi đó như chế định quan trọng và mục tiêu cuối cùng của chế độ ta. BLTTHS của nước ta đã ghi nhận, bảo vệ quyền con người, quyền công dân qua nhiều chế định khác nhau. Các quy định về bắt người, tạm giữ đều nhằm góp phần phát huy tính dân chủ, tăng cường hơn nữa hiệu lực của Nhà nước trong việc bảo đảm quyền con người nói chung và bảo đảm quyền con người của người bị tạm giữ nói riêng để xây dựng một xã hội công bằng, dân chủ và văn minh.

Chương 2

THỰC TRẠNG BẢO ĐẢM QUYỀN CON NGƯỜI CỦA NGƯỜI BỊ TẠM GIỮ TỪ THỰC TIỄN TỈNH KIÊN GIANG

2.1. Tổng quan thực trạng bảo đảm quyền con người của người bị tạm giữ trong Tổ tụng hình sự từ thực tiễn tỉnh Kiên Giang

2.1.1. Khái quát, đặc điểm, tình hình, xã hội tỉnh Kiên Giang

Tỉnh Kiên Giang là một tỉnh nằm ven biển miền Tây của Tổ quốc, thuộc đồng bằng sông Cửu Long. Trung tâm hành chính, thương mại, dịch vụ của tỉnh là Thành phố Rạch Giá, cách Thành phố Hồ Chí Minh 250 km về phía Tây, có đường biên giới trên bộ giáp Campuchia. Diện tích tự nhiên 6.347,1 km², có 15 đơn vị hành chính cấp huyện gồm: 01 thành phố, 01 thị xã và 13 huyện, với dân số gần 1.766.921 người, có 85,5% là dân tộc Kinh, dân tộc Khmer chiếm khoảng 12,2%, còn lại là một số dân tộc khác như dân tộc Hoa, Chăm, Tày, Mường ... Trong đó, dân số sống tại thành thị đạt gần 518.921 người chiếm tỷ lệ 29,37%; dân số sống tại nông thôn đạt gần 1.248.000 người, chiếm tỷ lệ 70,63%; dân số nam có khoảng 888.600 người, chiếm tỷ lệ 50,29%; dân số nữ có 878.300 người, chiếm tỷ lệ 49,71%. Về tôn giáo có 587.752 người theo tôn giáo, chiếm khoảng 32,6% tổng số dân, trong đó Phật giáo chiếm tỷ lệ 25%, Thiên chúa giáo chiếm tỷ lệ 5,7%, còn lại các tôn giáo khác như Cao Đài, Hòa Hảo, ...

Với chính sách mở cửa của Đảng và Nhà nước đã tạo điều kiện không nhỏ cho quá trình phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội trên địa bàn tỉnh Kiên Giang, thu hút nhiều các dự án đầu tư từ nguồn vốn nước ngoài, giải quyết vấn đề việc làm và đời sống của người dân ngày càng được nâng cao. Trong những năm qua, cùng với sự phát triển nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế, đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân không ngừng được nâng lên. Bên cạnh đó, dưới góc độ tội phạm học thì tình hình tội phạm ở nước ta cũng phát triển theo chiều hướng gia tăng và diễn biến ngày càng phức tạp, một bộ phận nhân dân có đời sống kinh tế khó khăn, không việc làm, việc làm không ổn định; sự phân hóa giàu nghèo và sự xâm nhập văn hóa độc hại, lối sống thực dụng và các tệ nạn xã hội ngày càng tăng, ... đang

làm cho tình hình TTATXH hết sức phức tạp, là điều kiện thuận lợi làm phát sinh tội phạm .

Thực hiện chỉ thị số 48CT/TW ngày 22/10/2010 của Bộ chính trị về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng chống tội phạm, các cơ quan, ban ngành, đoàn thể trên địa bàn tỉnh đã đề ra nhiều kế hoạch chỉ đạo, tập trung lực lượng, áp dụng nhiều biện pháp nghiệp vụ và tuyên truyền nhân dân tích cực tham gia phòng, chống tội phạm. Song vì nhiều nguyên nhân khác nhau mà tình hình ngày càng gia tăng và có diễn biến phức tạp, số người bị tạm giữ ngày một gia tăng. Việc bắt người tạm giữ là biện pháp ngăn chặn nhằm hạn chế một số quyền con người của người bị tạm giữ. Mục đích của biện pháp này là để bảo đảm cho các CQTHTT thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của mình trong công tác đấu tranh chống và phòng ngừa tội phạm, bảo đảm trật tự pháp luật và pháp chế. Các biện pháp ngăn chặn nhằm bảo vệ các quyền con người, quyền lợi ích hợp pháp của người bị tạm giữ nhưng khi áp dụng chúng cũng rất dễ tạo ra những ảnh hưởng tiêu cực đến quyền con người, quyền và lợi ích hợp pháp của người bị tạm giữ. Bởi vì một số hoạt động tố tụng có ảnh hưởng trực tiếp đến quyền tự do, quyền bất khả xâm phạm về thân thể, quyền được thông tin ... của người bị tạm giữ. Chính vì vậy, đòi hỏi CQTHTT, NTHTT cần nắm vững nội dung, thẩm quyền, thủ tục bắt tạm giữ sẽ bảo đảm cho việc áp dụng đúng pháp luật, tránh vi phạm các quy định pháp luật về bảo đảm quyền con người của người bị tạm giữ.

2.1.2. Thực trạng bảo đảm quyền con người của người bị tạm giữ từ thực tiễn tỉnh Kiên Giang

Trong thời gian qua, thực hiện tốt việc bắt người tạm giữ việc tuân theo các trình tự, thủ tục tố tụng trong việc giải quyết các vụ án hình sự của các cơ quan THTT trên địa bàn tỉnh Kiên Giang việc điều tra, bắt tạm giữ có căn cứ, đúng pháp luật, phục vụ tốt công tác điều tra, không để xảy ra việc phê chuẩn áp dụng các biện pháp ngăn chặn sau đó bị oan sai hoặc từ chối phê chuẩn không có căn cứ dẫn đến người bị tạm giữ bỏ trốn gây khó khăn cho công tác điều tra, thời hạn tố tụng nhìn chung được bảo đảm, ít bị vi phạm.

Việc kết thúc điều tra và đề nghị truy tố đều có cơ sở và được thể hiện như sau: Tỷ lệ người bị bắt tạm giữ hàng năm chiếm tỷ lệ cao cụ thể, năm 2011 tạm giữ tổng cộng 936 người tăng 109 người so với năm 2010, đã giải quyết 864 người đạt 92,3%. Năm 2012 tạm giữ 1.134 người tăng 198 người so với năm 2011. Trong đó bắt khẩn cấp 473 người, bắt quả tang 472 người, bắt truy nã 98 người, đầu thú 85 người, tự thú 06 người. Năm 2013 tạm giữ 1.179 người tăng 45 người so với năm 2012. Trong đó bắt khẩn cấp 417 người, bắt quả tang 556 người, bắt truy nã 114 người, đầu thú 83 người, tự thú 09 người. Riêng năm 2014 số lượng người bị bắt tạm giữ giảm 2,54% so với năm 2013, năm 2015 số người tạm giữ tiếp tục giảm 5,7% so với năm 2014. [23], [43].

Hoạt động điều tra, truy tố của các CQTHTT được bảo đảm thực hiện đúng người, đúng tội, góp phần bảo đảm quyền con người của người bị tạm giữ. VKS thực hiện tốt các chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự, kịp thời hủy bỏ các quyết định trái pháp luật, xâm phạm quyền con người của bị người bị tạm giữ, trả hồ sơ điều tra bổ sung nhiều vụ án do thiếu chứng cứ hoặc do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong giai đoạn điều tra; đình chỉ điều tra.

Việc bảo đảm các quyền con người của người bị tạm giữ là sự cụ thể hóa các quyền cơ bản của của người bị tạm giữ trong TTTHS. Vì vậy, Nhà nước phải có cơ chế bảo đảm thực hiện được các quyền đó đồng thời CQTHTT, NTHTT phải bảo đảm thực hiện tốt các biện pháp để bảo đảm các quyền của người bị tạm giữ được thực hiện trên thực tế, đồng thời đây cũng là mục tiêu quan trọng của TTTHS đã được ghi nhận trong BLTTHS Việt Nam. CQTHTT, NTHTT phải có nghĩa vụ bảo đảm các quyền con người của người bị tạm giữ trong trường hợp vi phạm những quy định của BLTTHS về thủ tục tạm giữ, xâm phạm đến quyền con người của người bị tạm giữ được pháp luật bảo vệ thì phải bồi thường thiệt hại và phục hồi danh dự, quyền lợi cho người bị oan; trường hợp vi phạm nghiêm trọng có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Để việc thực hiện BLTTHS một cách khách quan, nghiêm túc; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người tham gia tố tụng nói

chung, quyền con người của người bị tạm giữ nói riêng. Hoạt động kiểm sát tuân theo pháp luật trong TTHS là một trong những nội dung quan trọng trong chức năng kiểm sát hoạt động tư pháp của VKS. Với vai trò trách nhiệm của mình, Viện kiểm sát vừa phải bảo đảm các quyền con người của người bị tạm giữ được thực hiện trên thực tế nhưng đồng thời phải phát hiện, ngăn chặn và có biện pháp xử lý các hành vi vi phạm các quyền con người của người bị tạm giữ trong TTHS.

2.2. Thực trạng thực hiện quyền con người của người bị tạm giữ từ thực tiễn tỉnh Kiên Giang

Qua thực tiễn áp dụng BLTTHS và thực tiễn công tác điều tra, truy tố trên địa bàn tỉnh Kiên Giang thời gian qua cho thấy nhiều quy định trong BLTTHS và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan chưa chặt chẽ, có quy định còn lạc hậu so với sự phát triển của xã hội theo xu hướng hội nhập, chưa phù hợp với thông lệ quốc tế; chế độ tạm giữ, tạm giam; việc tham gia tố tụng của người bào chữa; vấn đề thu thập chứng cứ cũng còn nhiều điểm bất cập làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người bị tạm giữ.

Mặt khác, ở một số ít địa phương, một số NHTTT lợi dụng sự thiếu chặt chẽ của pháp luật TTHS đã lạm dụng quyền lực được giao tuy chưa gây hậu quả nghiêm trọng nhưng về cơ bản vẫn xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của người bị tạm giữ theo quy định của pháp luật TTHS về quyền con người như hành vi đánh (tát) vào mặt người bị nghi thực hiện tội phạm khi tiến hành lấy lời khai hoặc khi người bị nghi thực hiện tội phạm khai không đúng theo ý của ĐTV...

Thời gian qua Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều Chỉ thị, Nghị quyết, Kết luận chuyên đề về cải cách tư pháp trong đó có nhiều nội dung liên quan đến vấn đề bảo đảm quyền con người nói chung và quyền con người của người bị tạm giữ nói riêng như Nghị quyết 08 về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới, Nghị quyết 48 về chiến lược xây dựng pháp luật đến năm 2020, Nghị quyết 49 về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020. Tại Nghị quyết 49 có chỉ đạo “Hoàn thiện chính sách pháp luật hình sự và dân sự phù hợp với nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam của

dân, do dân và vì nhân dân; hoàn thiện các thủ tục tố tụng tư pháp, bảo đảm tính đồng bộ, dân chủ, công khai, minh bạch, tôn trọng và bảo đảm quyền con người”. Thực hiện triển khai Nghị quyết 49 các cơ quan tiến hành tố tụng nâng cao chất lượng điều tra, truy tố... bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người bị tạm giữ đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp tạo môi trường thuận lợi về an ninh, trật tự cho sự phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh Kiên Giang.

Những năm gần đây vấn đề bảo đảm quyền con người quyền công dân nói chung và bảo đảm quyền con người của người bị tạm giữ nói riêng thì công tác bắt tạm giữ người đã trở thành một vấn đề nóng thu hút nhiều sự quan tâm, chú ý của cơ quan Nhà nước, nhiều tổ chức xã hội và đông đảo các tầng lớp nhân dân. Việc bắt giữ người tùy tiện, bắt oan người không có tội, tạm giữ người không có lệnh hoặc quá hạn đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền con người, lợi ích hợp pháp của công dân. Bắt người tạm giữ oan, sai tuy chưa là hiện tượng phổ biến nhưng đã xảy ra ở một vài địa phương gây nên sự bất bình trong dư luận xã hội, thậm chí có trường hợp gây hậu quả nghiêm trọng. Trong thực tế, tình trạng người bị tạm giữ cả những người bị bắt khi phạm tội quả tang những sự việc phạm tội nhỏ, tính chất ít nghiêm trọng hay việc tạm giữ cả những người bị bắt có nơi cư trú rõ ràng và không có hành động, biểu hiện sẽ cản trở việc điều tra. Trong phần này, người viết đi sâu tìm hiểu, phân tích và đánh giá về thực trạng thực hiện quyền con người của người bị tạm giữ trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

2.2.1. Những kết quả đạt được

Trên cơ sở quán triệt và thực hiện Nghị quyết số 48, 49 của Bộ Chính trị về cải cách tư pháp. Nhất là việc quán triệt sâu sắc và thực hiện nghiêm túc nội dung Nghị quyết 37/2012/QH13 ngày 23/11/2012 về công tác phòng, chống vi phạm pháp luật về tội phạm, trong công tác tạm giữ hình sự.

Tại đoạn 3 khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 37 quy định: Giảm ít nhất 1% số người tạm giữ hình sự sau đó chuyển xử lý hành chính vì hành vi không cấu thành tội phạm so với năm 2012. Giảm số đối tượng bị tạm giữ, tạm giam chết thuộc trách nhiệm quản lý của nhà tạm giữ, trại tạm giam; cơ bản khắc phục tình trạng tạm giữ,

tạm giam chung người trong cùng vụ án, người chưa thành niên với người thành niên; tạo điều kiện để luật sư tham gia tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

Do vậy, trong những năm qua, công tác kiểm sát việc tạm giữ luôn được Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang chú trọng và thực hiện nghiêm túc. Với chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp, trong đó có công tác kiểm sát tạm giữ nhằm đảm bảo cho việc tạm giữ theo đúng quy định của pháp luật; chế độ tạm giữ được chấp hành nghiêm chỉnh; tính mạng, sức khỏe, tài sản, tự do, danh dự, nhân phẩm và các quyền và lợi ích hợp pháp khác của người bị tạm giữ không bị pháp luật tước bỏ được tôn trọng.

Trong việc tạm giữ, VKS không phê chuẩn quyết định tạm giữ nhưng trách nhiệm của VKS là kiểm tra, giám sát việc tạm giữ có đúng pháp luật hay không nếu không đúng thì hủy bỏ quyết định tạm giữ đó. Theo quy định của Hiến pháp và pháp luật, VKS là cơ quan tiến hành tố tụng duy nhất có trách nhiệm tham gia đầy đủ các giai đoạn (khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án) Trong tiến trình cải cách tư pháp, các Nghị quyết của Đảng yêu cầu: “bảo đảm tốt hơn các điều kiện để Viện kiểm sát nhân dân thực hiện hiệu quả chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp; tăng cường trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra, gắn công tố với hoạt động điều tra” [19, tr.251].

Viện kiểm sát còn là cơ quan duy nhất quyết định việc gia hạn hay không gia hạn tạm giữ. Do đó, Viện kiểm sát luôn thực hiện công tác kiểm sát việc tạm giữ một cách chặt chẽ, trên cơ sở kiểm tra nhà tạm giữ, trại tạm giam, kiểm sát nhà tạm giữ, Trại tạm giam định kỳ theo quý, 6 tháng và năm công tác. Đồng thời, qua đó phát hiện kịp thời những vi phạm của Cơ quan công an đối với người bị tạm giữ, từ đó ban hành những kháng nghị, kiến nghị yêu cầu khắc phục ngay những vi phạm nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả trong công tác kiểm sát việc tạm giữ, yêu cầu cơ quan Công an khắc phục sai phạm và tăng cường các biện pháp quản lý tốt các đối tượng bị tạm giam, tạm giữ góp phần quan trọng thực hiện mục tiêu phát hiện chính xác, kịp thời mọi hành vi phạm tội và người phạm tội, không để lọt tội phạm, không làm oan người vô tội. Các Nghị quyết của Đảng nhấn mạnh: “Tăng cường

công tác kiểm sát việc bắt, giam, giữ, bảo đảm đúng pháp luật; những trường hợp chưa cần bắt, tạm giữ, tạm giam thì kiên quyết không phê chuẩn lệnh bắt, tạm giữ, tạm giam; phát hiện và xử lý kịp thời các trường hợp oan, sai trong việc bắt, giữ; Viện kiểm sát các cấp chịu trách nhiệm về những oan sai trong việc bắt, tạm giữ, tạm giam thuộc phạm vi thẩm quyền phê chuẩn của mình; tăng cường trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra, gắn công tố với hoạt động điều tra”.[4], [5].

Theo quy định tại Điều 87 BLTTHS năm 2003 thời hạn tạm giữ không được quá ba ngày kể từ khi cơ quan điều tra nhận người bị bắt, trong trường hợp cần thiết có thể gia hạn tạm giữ lần thứ nhất, lần thứ hai nhưng mỗi lần gia hạn không quá ba ngày. Như vậy, tối đa người bị tạm giữ bị tạm giữ không quá chín ngày. Trên địa bàn tỉnh Kiên Giang thời gian qua không vi phạm về thời hạn tạm giữ.

Theo số liệu thống kê của Viện kiểm sát Nhân dân tỉnh Kiên Giang về công tác kiểm sát việc bắt, phân loại và xử lý người bị tạm giữ của CQĐT trên địa bàn tỉnh Kiên Giang cho thấy: Từ năm 2011 đến năm 2015 thì tình hình bắt, phân loại và xử lý người bị tạm giữ của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trên địa bàn tỉnh Kiên Giang đã đạt được những kết quả nhất định, góp phần tích cực trong việc đấu tranh phòng, chống tội phạm trên địa bàn tỉnh nói riêng và trên cả nước nói chung.

Bảng 2.1: Bảng thống kê tình hình bắt giữ và phân loại từ năm 2011 – 2015

Năm Người bị tạm giữ		2011	2012	2013	2014	2015
Các hình thức bắt	Khẩn cấp	343	473	417	425	401
	Quả tang	547	472	556	539	520
	Truy nã	76	98	114	91	78
	Đầu thú	84	85	83	64	71
	Tự thú	23	06	09	23	19
Tổng số người bị tạm giữ		1.073	1.134	1.179	1.142	1.089
Số đã giải quyết		1.056	1.127	1.164	1.132	1.083
Tỷ lệ giải quyết		98,42%	99,38%	98,7%	99,1%	99,4%

Nguồn: Phòng thống kê – Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang [11].

Từ số liệu bảng thống kê cho thấy trong năm năm trở lại đây số người bị tạm giữ có tăng giảm không ổn định và thông thường năm sau cao hơn năm trước. Năm 2012 tăng 61 người so với năm 2011. Năm 2013 tăng 45 người và giảm nhẹ so với năm 2012. Điều đáng quan tâm nhất là số lượng người bị tạm giữ liên tục giảm từ năm 2013, 2014 và 2015. Điều này cho thấy NTHTT rất thận trọng trong khi bắt tạm giữ một đối tượng mà bị nghi thực hiện tội phạm và có hành vi bị nghi là tội phạm.

Tỷ lệ phân loại bắt giữ hàng năm đều đạt tỷ lệ 100% và tỷ lệ giải quyết số người bị tạm giữ qua các năm đều đạt trên 98%. Đặc biệt, trong những năm trở lại đây đã chấm dứt hoàn toàn tình trạng tạm giữ không có lệnh hợp pháp. Thực hiện tốt công tác kiểm sát việc bắt, tạm giữ, tạm giam của Cơ quan điều tra nên chất lượng bắt, tạm giữ, tạm giam được nâng lên đảm bảo việc bắt người có căn cứ, đúng pháp luật, phục vụ tốt công tác điều tra, không để xảy ra việc phê chuẩn áp dụng các biện pháp ngăn chặn sau đó bị oan, sai hoặc từ chối phê chuẩn không có căn cứ dẫn đến việc người bị tạm giữ bỏ trốn gây khó khăn cho công tác điều tra.

Các quyền con người của người bị tạm giữ ngày càng được quan tâm và bảo đảm thực hiện. Tạm giữ là một trong những biện pháp ngăn chặn trong TTHS và là một trong những biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc, khi được áp dụng thì sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến các quyền cơ bản của công dân, hạn chế tự do thân thể trong thời hạn nhất định đối với người bị bắt trong trường hợp khẩn cấp hoặc phạm tội quả tang, người phạm tội tự thú, đầu thú hoặc đối với người bị bắt theo quyết định truy nã. Vì vậy cần hạn chế đến mức thấp nhất những vi phạm về căn cứ, thủ tục tạm giữ và chế độ ở nơi giam giữ đối với người bị tạm giữ. Số người bị tạm giữ sau chuyển khởi tố và đưa ra truy tố, xét xử đã tăng lên, việc phân loại người bị tạm giữ được thực hiện nhanh chóng, chặt chẽ nên đã hạn chế được tình trạng thông cung giữa các đối tượng trong cùng một vụ án; tình trạng người bị tạm giữ bỏ trốn không còn, các buồng tạm giữ đã được xây nâng cấp, xây mới nên nơi ở của họ đã rộng rãi hơn trước góp phần đảm bảo sức khỏe cho người bị tạm giữ, các chế độ chăm sóc

sức khỏe dần được hoàn thiện, các chế độ về thực phẩm, nhu yếu phẩm cho người bị tạm giữ được đảm bảo tốt.

Bảng 2.2: Thống kê tình hình giải quyết người bị tạm giữ từ 2011 đến 2015

TT	Năm Kiểm sát việc tạm giữ	2011	2012	2013	2014	2015
1	Tổng số người bị tạm giữ	1.073	1.134	1.179	1.142	1.089
2	Số đã giải quyết. Trong đó:	1.056	1.127	1.164	1.132	1.083
2.1	Khởi tố chuyển tạm giam	804	842	923	953	931
2.2	Khởi tố áp dụng biện pháp ngăn chặn khác	43	25	35	45	56
2.3	Số truy nã chuyển tạm giam	75	97	113	90	77
2.4	Cơ quan bắt trả tự do	134	163	93	44	19
Tỷ lệ xử lý hình sự		98,4%	99,3%	98,7%	99,1%	99,4%

Nguồn: Phòng Thống kê – Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh Kiên Giang [11].

Tỷ lệ người bị tạm giữ sau chuyển khởi tố hình sự và áp dụng biện pháp tạm giam hàng năm đạt tỷ lệ cao. Đối với người bị tạm giữ, sau khi đã xác minh được đầy đủ hành vi phạm tội, nhân thân, lai lịch rõ ràng trên cơ sở đối chiếu các quy định của pháp luật, các CQTHTT đã phân loại, giải quyết theo quy định của pháp luật. Trong đó, số người bị tạm giữ sau giải quyết khởi tố chuyển tạm giam là chủ yếu. Đối với người bị tạm giữ có hành vi phạm tội cụ thể, khi xét thấy không cần thiết phải tiếp tục tạm giữ hoặc chuyển tạm giam thì CQTHTT hủy bỏ biện pháp tạm giữ, khởi tố áp dụng biện pháp ngăn chặn khác, thông thường áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú đối với họ. Đối với người bị truy nã là những người đã bị khởi tố về hình sự, sau khi CQTHTT xác định đúng nhân thân người phạm tội, trên cơ sở xem xét tính chất, mức độ, hành vi phạm tội, nhân thân, lai lịch của người phạm tội thì họ có thể không tiếp tục bị tạm giữ và không bị tạm giam mà chuyển sang áp dụng các biện pháp ngăn chặn khác. So sánh, đối chiếu Bảng 2.1 và

Bảng 2.2 qua đó cho thấy số người bị truy nã sau chuyển tạm giam ít hơn số người bị truy nã tại **Bảng 2.1**.

Tỷ lệ người bị tạm giữ sau trả tự do và chuyển xử lý hành chính thấp hơn rất nhiều so với yêu cầu đặt ra theo Nghị quyết 37, đặc biệt là hai năm gần đây 2014 và 2015 tỷ lệ người bị tạm giữ sau chuyển tự do và xử lý hành chính đều không quá 1% (năm 2014 là 0,6%, năm 2015 là 0,64%). Kết quả này thể hiện vai trò quan trọng của Viện kiểm sát Nhân dân tỉnh Kiên Giang trong công tác kiểm sát việc tạm giữ trên địa bàn tỉnh.

2.2.2. Những khó khăn, vướng mắc

Bên cạnh những kết quả đạt được vẫn còn một số hạn chế trong công tác thực hiện việc tạm giữ hình sự trên địa bàn tỉnh Kiên Giang như vẫn còn tình trạng người bị tạm giữ bị tạm giữ quá hạn, do hết thời hạn tạm giữ nhưng không có quyết định gia hạn tạm giữ của cơ quan ra quyết định tạm giữ hoặc quyết định tố tụng khác thay thế. Trong công tác quản lý các nhà tạm giữ, trại tạm giam vẫn có tình trạng vi phạm quy chế và nội quy ở nơi giam giữ mà chủ yếu là tình trạng đánh nhau gây mất trật tự ở nơi giam giữ.

Một số nơi lập hồ sơ đối với người bị tạm giữ, tạm giam, các chế độ, chính sách, điều kiện an toàn vệ sinh đối với người bị tạm giữ, tạm giam, việc quản lý, giáo dục chưa đúng theo quy định của pháp luật, còn một vài trường hợp xảy ra việc canh giữ chưa bảo đảm để phạm nhân trốn trại, việc phối hợp báo cáo nắm tình hình đối với các vụ việc đột xuất xảy ra như: Việc lập hồ sơ đối với người bị tạm giữ chưa đúng theo quy định của pháp luật, Trại tạm giam chưa có buồng giam đối với người kết án tử hình.

Công tác phân loại, xử lý thực hiện chế độ đối với người bị tạm giữ còn vi phạm, việc giam chung người bị tạm giữ với người bị tạm giam vẫn còn xảy ra, việc tạm giữ chung người chưa thành niên với người đã thành niên; tình trạng lạm dụng tạm giữ hành chính để chuyển bắt giữ hình sự vẫn còn tồn tại. Mặc dù đã có nhiều nỗ lực, cố gắng trong công tác kiểm sát việc tạm giữ trên địa bàn tỉnh Kiên Giang trong những năm qua, song việc bắt giữ và tạm giữ hình sự đối với người bị tình

nghi là thực hiện tội phạm vẫn còn nhiều hạn chế, từ đó dẫn đến tình trạng cơ quan có thẩm quyền ra quyết định tạm giữ hình sự sau phải trả tự do cho người bị tạm giữ vẫn còn xảy ra khá phổ biến.

Trên cơ sở thống kê tình hình người bị tạm giữ sau phải trả tự do cho của các cơ quan tiến hành tố tụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang trong năm năm trở lại đây (*Phụ lục 1, 2*) cho thấy:

-Tình trạng người bị tạm giữ có quyết định tạm giữ sau phải trả tự do năm 2011 có 134 trường hợp, năm 2012 có 163 trường hợp, năm 2013 có 93 trường hợp, năm 2014 có 44 trường hợp, năm 2015 có 19 trường hợp.

- Tình trạng người bị tạm giữ được trả tự do vì không đủ căn cứ khởi tố hình sự và không bị xử lý hành chính: năm 2011 có 34 trường hợp, năm 2012 có 7 trường hợp, năm 2013 có 2 trường hợp, năm 2014 có 27 trường hợp, năm 2015 có 5 trường hợp.

-Tình trạng người bị tạm giữ được trả tự do, chuyển xử lý hành chính: năm 2011 có 13 trường hợp, năm 2012 có 18 trường hợp, năm 2013 có 50 trường hợp, năm 2014 có 7 trường hợp, năm 2015 có 7 trường hợp.

Trong thực tiễn áp dụng pháp luật, trên cơ sở những nguyên tắc TTTHS những quy định mang tính chất nhân đạo và nhất là trong từng trường hợp đối với từng người bị tạm giữ cụ thể, cơ quan ra quyết định tạm giữ đã hủy bỏ quyết định tạm giữ, trả tự do cho người bị tạm giữ mà không áp dụng biện pháp ngăn chặn nào khác. Những người bị tạm giữ trong những trường hợp nêu trên có thể là người bị bắt trong trường hợp khẩn cấp, phạm tội quả tang, bắt theo quyết định truy nã hoặc người đầu thú, tự thú nhưng bị bệnh hiểm nghèo phải hoặc đang chữa bệnh hoặc phụ nữ mang thai hoặc đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi...

Thông qua công tác kiểm sát, Viện kiểm sát đã phát hiện nhiều quyết định tạm giữ của cơ quan điều tra không ghi lý do tạm giữ theo quy định tại khoản 3 Điều 86 BLTTHS mà lại ghi theo tội danh. Một số lệnh bắt khẩn cấp không ghi bắt theo điểm nào của khoản 1 Điều 81 BLTTHS, một vài trường hợp ra quyết định không đúng thời hạn quy định tại Điều 87 BLTTHS, vi phạm về thời điểm bắt đầu

ra quyết định tạm giữ là khá phổ biến, thời gian vi phạm không lớn nhưng đã vi phạm trực tiếp đến những quy định cụ thể của pháp luật TTHS đối với người bị tạm giữ. Mặc dù thời gian tạm giữ không dài nhưng người bị tạm giữ bị cách ly khỏi xã hội một thời gian theo luật định, bị hạn chế các quyền cơ bản và thiết yếu của công dân như quyền đi lại, quyền tự do cư trú. Chính vì vậy, tất cả các vấn đề như về đối tượng, căn cứ, điều kiện áp dụng, trình tự, thủ tục, thời hạn, thẩm quyền ra lệnh, quyền và nghĩa vụ cũng như chế độ đối với người bị tạm giữ được pháp luật TTHS quy định khá chặt chẽ. Nhưng trên thực tế việc thực thi các quy định của pháp luật về người bị tạm giữ vẫn còn tồn tại một số hạn chế không những làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án hình sự mà thông qua đó nó đã xâm phạm, làm ảnh hưởng đến quyền con người, quyền và lợi ích chính đáng của người bị tạm giữ, cụ thể:

Thứ nhất là về căn cứ để tạm giữ người: Theo quy định của pháp luật hiện hành, tại khoản 1 Điều 86 BLTTHS năm 2003 quy định “căn cứ để tạm giữ một người khi người đó bị bắt trong trường hợp khẩn cấp, phạm tội quả tang, người phạm tội tự thú, đầu thú hoặc đối với người bị bắt theo quyết định truy nã. Không phải cứ bắt trong các trường hợp trên là bị tạm giữ mà trong thực tế có nhiều trường hợp không cần thiết phải tạm giữ. Tuy nhiên, trong quá trình THTT cơ quan có thẩm quyền vẫn lạm dụng việc tạm giữ người trong trường hợp không cần thiết như: trường hợp người phạm tội thực hiện tội phạm bị bắt khẩn cấp hoặc bắt quả tang nhưng họ không có dấu hiệu bỏ trốn, không cản trở hoạt động điều tra, có nơi cư trú rõ ràng, tình tiết phạm tội đơn giản, hành vi phạm tội ít nghiêm trọng, căn cứ xác định tội phạm đã đầy đủ.

Thứ hai là về thủ tục tạm giữ đối với người bị tạm giữ: Vẫn còn những trường hợp vi phạm về thủ tục tạm giữ, đặc biệt là ở các cơ quan điều tra cấp huyện. Theo quy định tại Điều 133, 134 BLTTHS 2003 thì người được CQTHTT triệu tập hợp lệ đến làm chứng mà vắng mặt không có lý do chính đáng và việc vắng mặt của họ gây cản trở cho công tác điều tra, truy tố thì có thể bị dẫn giải. Khi công dân được triệu tập tới cơ quan điều tra rồi bị tạm giữ thì việc tạm giữ đó là trái pháp

luật. Vì trong trường hợp này, người bị tạm giữ không phải là người bị bắt trong trường hợp khẩn cấp hoặc phạm tội quả tang nên không có căn cứ để tạm giữ họ. Trừ trường hợp người đó phạm tội quả tang tại trụ sở cơ quan điều tra rồi bị bắt thì mới được tạm giữ họ. Đối với người được triệu tập tới CQĐT để lấy lời khai, sau đó có đủ căn cứ khẳng định người đó thực hiện tội phạm thì không được ra quyết định tạm giữ họ, cần ra quyết định khởi tố bị can và áp dụng biện pháp ngăn chặn thích hợp với tính chất và hành vi phạm tội của họ.

Trên thực tế một số địa phương vẫn còn tình trạng lạm dụng việc tạm giữ người của cơ quan công an cấp huyện, như việc công dân được triệu tập đến CQĐT để lấy lời khai hoặc cảnh sát khu vực yêu cầu một số người tới trụ sở vì đã thực hiện hành vi vi phạm nào đó. Họ không bị đưa vào nhà tạm giữ, chưa có quyết định tạm giữ nhưng họ bị câu lưu lại và phải ngồi ở phòng chờ, phòng trực ban cả ngày đêm ở đó.

Thứ ba là việc trình bày lời khai: Theo quy định của pháp luật đây là quyền của người bị tạm giữ tuy nhiên trong thực tế khi tiến hành lấy lời khai của người bị tạm giữ thì tình trạng người bị tạm giữ bị bức cung, mớm cung, sử dụng những câu hỏi áp đặt trả lời dạng có -không, nhục hình (đánh, tát vào mặt) vẫn còn tồn tại. Chính những điều này đã làm ảnh hưởng đến tính khách quan và tính hợp pháp của lời khai người bị tạm giữ, vi phạm nghiêm trọng những quy định về chứng cứ và thu thập chứng cứ trong BLTTHS, vi phạm việc bảo đảm quyền con người trong TTHS.

Thứ tư là quyền tự bào chữa hoặc nhờ người khác bào chữa: Theo quy định tại điều 58 BLTTHS 2003, theo điều 73 BLTTHS 2015 quy định về quyền và nghĩa vụ của người bào chữa, quyền bào chữa có kể từ khi một người bị tạm giữ. Tuy nhiên, trên thực tế các quy định này không phát huy được hiệu quả do nhiều nguyên nhân, trong đó sự phụ thuộc từ chính rào cản các quy phạm pháp luật khác, quá trình lấy lời khai ở giai đoạn quan trọng thường không có sự chứng kiến của luật sư vì cơ quan điều tra không có nghĩa vụ thông báo cho luật sư biết thời gian lấy lời khai. Thêm nữa sau khi được cấp giấy chứng nhận bào chữa luật sư thường gặp

hiều khó khăn khi tiếp xúc với người bị tạm giữ do thủ tục hành chính còn nhiều bất cập: Phải có sự phê chuẩn của Viện kiểm sát thì Trại tạm giam, tạm giữ mới có quyền cho Luật sư gặp người bị tạm giam, tạm giữ. Các chủ thể tiến hành tố tụng chưa nhận thức rõ tầm quan trọng và vai trò của Luật sư trong vụ án. Quyền của Luật sư đặc biệt bị hạn chế trong giai đoạn điều tra rất nhiều so với các giai đoạn tố tụng khác, mà giai đoạn điều tra là giai đoạn vô cùng quan trọng, cần thiết phải tạo điều kiện để Luật sư tham gia, phối hợp hạn chế được nhiều vụ oan, sai về sau. Tuy nhiên, trên thực tế quyền bào chữa hoặc nhờ người khác bào chữa của người bị tạm giữ gần như không được thực hiện.

Trong giai đoạn điều tra, việc người bào chữa tiếp cận hồ sơ vụ án và gặp người tạm giữ là vô cùng khó khăn. Đây hoàn toàn là do vấn đề nhận thức. Việc Luật sư tham gia vào giai đoạn điều tra còn nhiều trắc trở một phần không phải người bị tạm giữ nào cũng biết mình có quyền yêu cầu Luật sư, mà ĐTV thường “quên” giải thích, một phần vì yêu cầu bí mật và kịp thời trong hoạt động điều tra. Có trường hợp ĐTV còn cho rằng có Luật sư tham gia mất thời gian điều tra vụ án. Tuy nhiên, không thể đổ lỗi cho tất cả các vi phạm này là do cơ quan điều tra hay các ĐTV mà trong một số trường hợp có không ít Luật sư lợi dụng việc tham gia vụ án ngay từ ban đầu để kéo dài, tung tin tạo dư luận không tốt làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án. Do vậy mà vì mục đích giải quyết nhanh chóng vụ án và do sự thiếu tin tưởng các Luật sư nên ĐTV đã dùng nhiều cách để người bị tạm giữ từ chối luật sư bào chữa, hoặc đối với người chưa thành niên bị tạm giữ thì người giám hộ của họ tự bào chữa cho họ. Tuy nhiên dù có vì mục đích gì thì vấn đề sự trung thực, tôn trọng pháp luật các CQTHTT cần phải được quan tâm hơn nữa nhằm bảo đảm cho quyền con người của người bị tạm giữ được thực hiện.

Thứ năm là việc bảo đảm quyền con người khác của người bị tạm giữ: Trên thực tế, người bị tạm giữ chỉ bị tạm giữ hình sự khi họ bị tình nghi là đã thực hiện hành vi vi phạm pháp luật. Việc tạm giữ người trong TTHS bắt buộc phải có quyết định tạm giữ cho người bị tạm giữ thường chỉ được tiến hành một cách rất hình thức là giao quyết định tạm giữ cho người bị tạm giữ để người bị tạm giữ ký vào quyết

định tạm giữ, mục đích chủ yếu là phục vụ cho việc hợp thức hóa đầy đủ thủ tục lưu trong hồ sơ của CQĐT. Bản chất của việc giao quyết định tạm giữ cho người bị tạm giữ theo đúng quy định của pháp luật nhằm mục đích để người bị tạm giữ đọc và biết lý do mà mình bị tạm giữ. Tuy nhiên cơ quan điều tra không thực hiện đúng quy định của pháp luật trong việc bảo đảm quyền của người bị tạm giữ. Do vậy dẫn đến tình trạng nhiều người bị tạm giữ khi được triệu tập lên lấy lời khai mà không biết lý do mình bị tạm giữ. Xảy ra những việc như vậy thực tế là do sau khi cơ quan điều tra lấy lời khai của người bị tạm giữ thấy có đủ căn cứ xác định hành vi phạm tội nên đã ra quyết định tạm giữ nhưng lại không thông báo và giải thích cho người bị tạm giữ biết lý do bị tạm giữ. Điều này vi phạm nghiêm trọng quy định của BLTTHS vi phạm việc bảo đảm quyền con người của người bị tạm giữ mà pháp luật bảo vệ. Một phần do nhận thức pháp luật còn hạn chế và tâm lý hoang mang của bất kỳ người nào bị tạm giữ nên tâm lý chung hầu hết họ không dám đòi hỏi quyền được biết lý do mình bị tạm giữ.

Thứ sáu là về chế độ tạm giữ đối với người bị tạm giữ: Người bị tạm giữ là người bị nghi thực hiện tội phạm, chưa phải là người bị kết tội theo bản án của Tòa án, mà chỉ là người bị nghi thực hiện tội phạm. Mặc dù họ cũng bị tạm giữ tại Nhà tạm giữ hoặc Trại tạm giam nhưng việc họ bị hạn chế một số quyền nhất định như đã trình bày ở phần trước. Thực tế việc thực hiện chế độ tạm giữ còn nhiều tồn tại như việc người bị tạm giữ phải ở trong một căn phòng với diện tích chật hẹp ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống sinh hoạt cũng như sức khỏe của người bị tạm giữ. Theo Nghị định 13/VBHN-BCA ngày 07/4/2014 về ban hành quy chế tạm giữ, tạm giam thì tại khoản 2 Điều 26: “Bình quân diện tích tối thiểu nơi giam, giữ đối với người bị tạm giữ, tạm giam là $2m^2/1$ người”... phần lớn các nhà tạm giữ đều trong tình trạng quá tải. Bên cạnh đó còn có những hạn chế trong việc phân loại người bị tạm giữ còn tồn tại, giữ chung giữa những người còn đồ hung hãn với những người phạm tội lần đầu, buộc người bị tạm giữ phải lao động ngoài khu vực tạm giữ ... Mặc khác, công tác quản lý người bị tạm giữ, bảo vệ nhà tạm giữ chưa được chú

trọng dễ dẫn đến tình trạng đánh nhau giữa những người bị tạm giữ, việc người tạm giữ bỏ trốn khỏi nhà tạm giữ vẫn còn xảy ra.

Thứ bảy là việc CQTHTT vi phạm quyền khiếu nại của người bị tạm giữ: Việc bảo đảm quyền này của người bị tạm giữ phụ thuộc rất nhiều vào CQTHTT và NTHTT. Tuy nhiên, trên thực tế thì cho dù có nhận thấy quyết định tạm giữ không đúng, hành vi tố tụng của NTHTT đối với người bị tạm giữ là vi phạm nhưng thực tế người bị tạm giữ khó có thể thực hiện được quyền này do bị hạn chế quyền tự do đi lại. Trong khi đó CQTHTT không bảo đảm quyền được khiếu nại về việc tạm giữ của người bị tạm giữ được thực hiện.

2.3. Thực trạng các yếu tố bảo đảm thực hiện quyền con người của người bị tạm giữ

2.3.1. *Yếu tố cơ sở pháp lý thực hiện quyền con người của người bị tạm giữ*

Bảo đảm thực hiện quyền con người được đặt ra trước hết xuất phát từ mục tiêu, bản chất của chế độ; đó cũng là một trong những nội dung và đặc trưng rất cơ bản và quan trọng của Nhà nước pháp quyền XHCN mà chúng ta đang xây dựng; đồng thời, trước xu thế dân chủ hóa, giao lưu và hội nhập quốc tế ngày càng gia tăng, đòi hỏi quyền con người và các quyền tự do cơ bản của công dân phải được tôn trọng và tăng cường hơn nữa mà đặc biệt là quyền con người của người bị tạm giữ. Trước yêu cầu đó, trong điều kiện nước ta hiện nay, bảo đảm hiện thực hóa quyền con người cần phải áp dụng một hệ thống đồng bộ các nhóm giải pháp. Các quyền con người được quy định trong luật, một mặt là cụ thể hóa các quyền trong Hiến pháp. Mặt khác, phát triển và bổ sung thêm những quyền mới. Vì vậy, xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật bảo đảm quyền con người, quyền công dân đòi hỏi tăng cường hoạt động lập pháp của Quốc hội như là điều kiện tiên quyết để bảo đảm quyền con người nói chung và bảo đảm quyền con người của người bị tạm giữ nói riêng.

Hiện nay khung pháp lý cho hoạt động bảo vệ quyền con người của người bị tạm giữ trong tố tụng hình sự ngày một hoàn thiện. Ngoài các nguyên tắc, quy định

trong BLTTHS 2003 và trong thời gian tới BLTTHS 2015 có hiệu lực thi hành sẽ góp phần hoàn thiện hơn trong việc bảo đảm quyền con người của người bị tạm giữ.

- Nghị định số 13/VBHN-BCA ngày 07/4/2014 ban hành quy chế tạm giữ, tạm giam

- Nghị định số 89/1998/NĐ-CP ngày 07/11/1998 của Chính phủ ban hành quy chế về tạm giữ, tạm giam có hiệu lực kể từ ngày 22/11/1998, được sửa đổi, bổ sung bởi:

- + Nghị định số 98/2002/NĐ-CP ngày 27/11/2002 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế về tạm giữ, tạm giam ban hành kèm theo Nghị định số 89/1998/NĐ-CP ngày 07/11/1998 của Chính phủ có hiệu lực kể từ ngày 12/12/2002

- + Nghị định số 09/2011/NCP-CP ngày 25/01/2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung chế độ ăn và khám, chữa bệnh đối với người bị tạm giữ, tạm giam quy định tại Điều 26 và Điều 28 của Quy chế về tạm giữ, tạm giam ban hành kèm theo Nghị định số 89/1998/NĐ-CP ngày 07/11/1998 của Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 15/3/2011

- Luật tạm giữ, tạm giam ra đời sẽ là cơ sở pháp lý cao hơn những văn bản pháp lý hiện hành nhằm bảo vệ đầy đủ quyền lợi cho người bị tạm giữ, tạm giam. Từ trước đến nay, Việt Nam chưa có luật về tạm giữ, tạm giam. Những quy định về tạm giữ, tạm giam đều chỉ dựa trên các văn bản dưới luật. Đối tượng bị tạm giữ, tạm giam là đối tượng hết sức nhạy cảm bởi họ chưa phải là tội phạm (ngghi ngờ thực hiện tội phạm) nên về cơ bản vẫn được bảo đảm các quyền con người.

Bên cạnh đó còn có Luật khiếu nại, tố cáo; Luật bồi thường Nhà nước... đảm bảo quyền con người của người bị tạm giữ khi có sự xâm phạm về quyền con người.

2.3.2. Yếu tố về mặt tổ chức, cơ chế thực thi quyền con người của người bị tạm giữ

Mặc dù về cơ bản pháp luật nước ta không mâu thuẫn với các tiêu chuẩn quốc tế về nhân quyền và việc bảo đảm các quyền về con người trên thực tế là phù

hợp, thậm chí ở mức tiên bộ, so với thông lệ quốc tế; tuy nhiên, trong việc bảo đảm quyền con người mà đặc biệt là quyền con người của người bị tạm giữ ở nước ta hiện nay còn tồn tại một số vấn đề nhất định về cơ chế bảo đảm nhân quyền chưa hiệu quả, chưa có một quy chế chặt chẽ trong việc xử lý các tố cáo và vi phạm nhân quyền. Do sự thiếu hụt về các nguồn vật chất bảo đảm, mặc dù đòi hỏi ở mức độ khác nhau, song việc bảo đảm bất cứ quyền con người nào cũng không thể tách rời các điều kiện vật chất. Do những khó khăn về kinh tế, ở nước ta hiện nay còn thiếu các điều kiện để chăm sóc sức khỏe, các điều kiện sống, sinh hoạt đối với người bị tạm giữ chưa được bảo đảm. Cần có cơ chế bảo đảm thực hiện các quy định của pháp luật TTHS Việt Nam, triển khai các hoạt động phổ biến, tuyên truyền, giáo dục, giải thích pháp luật, hướng dẫn thực hiện, áp dụng pháp luật... nâng cao ý thức pháp luật cho các thành viên xã hội, hình thành văn hóa pháp lý trong đời sống xã hội. Bên cạnh đó, hệ thống báo chí phát triển mạnh mẽ, góp phần bảo đảm cho người dân quyền được thông tin và trở thành các diễn đàn rộng rãi để mọi người và mỗi người hiểu và chủ động bảo đảm thực hiện quyền con người theo đúng với chủ trương, chính sách, pháp luật bảo đảm thực hiện quyền con người nói chung và quyền con người của người bị tạm giữ nói riêng.

Cần có những biện pháp bảo đảm thực thi nghiêm chỉnh đối với các quy định của pháp luật, nhằm bảo đảm thực hiện bảo vệ quyền con người nói chung và quyền con người của người bị tạm giữ nói riêng. Bảo đảm các hành vi vi phạm quyền con người phải được phát hiện và xử lý kịp thời, nâng cao ý thức pháp luật trong việc bảo vệ quyền con người nhất là quyền con người của người bị tạm giữ, bảo đảm các quyền đó được thực thi trong thực tiễn áp dụng pháp luật trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Quyền con người được thể chế hóa trong hệ thống pháp luật sẽ trở nên vô nghĩa nếu việc tổ chức thực hiện không được quán triệt triệt để. Khả năng bảo đảm quyền con người mà đặc biệt là quyền con người của người bị tạm giữ trong quá trình tổ chức thực hiện trước hết phụ thuộc vào chất lượng của việc bảo đảm tính cụ thể, đồng bộ thuận tiện khả thi của các quy định của pháp luật tổ tụng hình sự về

bảo đảm quyền con người của người bị tạm giữ, xây dựng hệ thống các thủ tục tố tụng ngăn ngừa sự tùy tiện, lạm quyền của các cơ quan và những người tiến hành tố tụng, bảo đảm thực hiện cơ chế kiểm tra, giám sát của cơ quan có thẩm quyền và của nhân dân.

2.3.3. Yếu tố về mặt nhận thức, năng lực thực hiện của chủ thể thực hiện quyền con người của người bị tạm giữ

Vấn đề nhận thức, năng lực thực hiện của chủ thể thực hiện quyền con người của người bị tạm giữ là vô cùng quan trọng. Bởi vì việc bắt người tạm giữ mà không có lệnh bắt, khi bắt không tôn trọng trình tự, thủ tục bắt, bắt người không có sự chứng kiến của chính quyền địa phương, không lập biên bản khi bắt. Những việc này ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền con người của người bị tạm giữ. Một trong những nguyên nhân dẫn đến hiện tượng bắt người tùy tiện, bắt oan sai, không đúng trình tự thủ tục là do trình độ, năng lực của một bộ phận cán bộ trong các cơ quan tố tụng còn hạn chế, ý thức pháp luật chưa được đề cao. Do nhận thức chưa đầy đủ về tính chất, vai trò và tầm quan trọng của hoạt động bắt người tạm giam, tạm giữ cũng như các quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục giải quyết vụ án làm cho việc vận dụng thiếu chính xác dễ dẫn đến những hoạt động tùy tiện, trái pháp luật xâm hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của người bị tạm giữ.

Để bảo đảm được quyền con người quyền công dân trong hoạt động tố tụng, cần nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho những NTHTT, ĐTV, KSV... thường xuyên bồi dưỡng nâng cao ý thức pháp luật, ý thức chính trị và đạo đức công vụ, thực hiện tốt chế độ báo cáo đối với cơ quan có thẩm quyền và trước nhân dân thông qua cơ quan đại diện của họ tại địa phương (ở mức độ cho phép nếu không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án).

Để nâng cao hiệu quả công tác và bảo đảm được quyền con người của người bị tạm giữ được thực hiện thì chủ thể tiến hành tố tụng phải nhận thức rõ ý nghĩa của việc áp dụng các biện pháp bắt người tạm giữ người mục đích là nhằm bảo vệ trật tự pháp luật, bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của người bị hại nhưng cần phải chú ý bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người bị áp dụng. Bởi vì người bị áp

dụng biện pháp ngăn chặn chưa phải là tội phạm mà họ chỉ bị nghi thực hiện tội phạm, họ mới chỉ bị hạn chế một số quyền như quyền tự do đi lại, quyền tự do cư trú. Những quyền khác của người bị tạm giữ vẫn phải được bảo đảm và được tôn trọng như quyền bất khả xâm phạm về thân thể, quyền được bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm... Việc áp dụng tùy tiện các biện pháp ngăn chặn, bắt oan người vô tội, bắt không đúng thủ tục, bắt sai thẩm quyền, tạm giữ quá hạn... đều làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người bị tạm giữ.

Chủ thể tiến hành tố tụng thực hiện hành vi bắt oan người vô tội, bắt không đúng thủ tục, bắt sai thẩm quyền, tạm giữ quá hạn ... không chỉ xâm phạm hoạt động đúng đắn của cơ quan điều tra, truy tố mà còn xâm phạm quyền bất khả xâm phạm thân thể, sinh mạng chính trị của con người, của người bị tạm giữ mà còn làm suy giảm uy tín của Nhà nước bởi vì “Nhà nước là của dân, do dân và vì nhân dân”, làm giảm sút lòng tin của quần chúng nhân dân đối với các CQTHTT, NTHTT. Vì vậy việc nâng cao nhận thức đúng, hiểu đầy đủ và thực hiện nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về các biện pháp ngăn chặn sẽ nâng cao hiệu quả cuộc đấu tranh chống và phòng ngừa tội phạm, góp phần quan trọng và cần thiết để bảo đảm quyền con người đặc biệt là quyền con người của người bị tạm giữ. Chủ thể tiến hành tố tụng cần nhận thức rõ và hiểu thực hiện việc bắt người không phải là biện pháp trừng phạt đối với người phạm tội (nghi ngờ thực hiện tội phạm) mà nó là một biện pháp ngăn chặn được áp dụng để tước bỏ điều kiện gây ra tội phạm, ngăn chặn hành vi phạm tội, hành vi trốn tránh pháp luật của người thực hiện hành vi phạm tội (nghi ngờ thực hiện tội phạm), bảo đảm thực hiện đúng đắn chức năng, sự hoạt động của cơ quan bảo vệ pháp luật.

Việc nhận thức và thực hiện về quyền con người của một bộ phận chủ thể CQTHTT còn hạn chế trong lĩnh vực công tác. Sự hạn chế về nhận thức không chỉ ở chỗ không nắm được các quy định của pháp luật về quyền con người và quyền con người của người bị tạm giữ mà còn chưa hiểu hết đầy đủ sứ mệnh phục vụ nhân dân trong thực thi công vụ và những yêu cầu cơ bản về Nhà nước pháp quyền

XHCN Việt Nam. Không nắm chắc các chính sách pháp luật và nhận thức hạn chế về quyền con người của người bị tạm giữ là một nguyên nhân của căn bệnh quan liêu hành chính và cách điều hành tùy tiện để xảy ra các vụ việc vi phạm, làm hạn chế và ảnh hưởng đến việc được thụ hưởng các quyền về con người của người bị tạm giữ, đây là một thách thức không nhỏ đối với sự vận hành của cơ chế bảo đảm thực hiện và phát triển quyền con người mà đặc biệt là quyền con người của người bị tạm giữ.

Nhìn chung, trong thời gian qua các CQTHTT, NTHTT đã nhận thức một cách đầy đủ về nội dung, ý nghĩa và tầm quan trọng quyền con người của người bị tạm giữ. Do đó, quyền con người của người bị tạm giữ luôn được bảo đảm thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi để người bị tạm giữ thực hiện các quyền của mình, bảo đảm quyền này được thực hiện hiệu quả. Tuy nhiên, trong thực tế không phải tất cả NTHTT đều nhận thức đúng vấn đề này, một số ít chủ thể THTT còn hiểu biết khá mơ hồ về quyền con người của người bị tạm giữ, né tránh hoặc thực hiện không nghiêm túc nghĩa vụ giải thích cho người bị tạm giữ hiểu rõ quyền của mình hoặc “quên” không giải thích. Chính vì vậy cần nâng cao năng lực chuyên môn của chủ thể THTT cũng như nâng cao ý thức thực hiện nghiêm túc và đúng đắn giúp họ nắm rõ và hiểu được tầm quan trọng của việc bảo đảm quyền con người của người bị tạm giữ trong TTHS.

2.3.4. Vai trò của Luật sư trong việc bảo đảm quyền con người của người bị tạm giữ

Vai trò của người bào chữa trong thực tế còn nhiều hạn chế và nhiều khi chưa được một số CQTHTT thực sự tôn trọng, chưa tạo điều kiện để luật sư tham gia tố tụng với tư cách là người bào chữa, Luật sư thường gặp nhiều khó khăn trong việc xin cấp giấy chứng nhận bào chữa, việc tiếp xúc với người bị tạm giữ trong giai đoạn điều tra là vô cùng khó khăn. Thông thường trong giai đoạn bị tạm giữ thì người bị tạm giữ còn gặp nhiều khó khăn và nhiều trường hợp sau khi ra quyết định khởi tố bị can, CQĐT đã không giao quyết định này và không giải thích cho bị can biết rõ quyền và nghĩa vụ của mình đặc biệt là quyền nhờ người bào chữa hoặc tự

mình bào chữa. Chính vì vậy mà họ không biết mình có quyền nhờ người bào chữa ngay từ giai đoạn đầu (giai đoạn điều tra) mà nghĩ rằng khi ra Tòa họ mới được mời luật sư để bào chữa cho mình. Thực tế tiếng nói và vai trò của luật với chưa có sự bình đẳng với các CQTHTT. Khoản 2 điều 58 BLTTHS 2003 quy định: *“Người bào chữa có quyền có mặt khi lấy lời khai của người bị tạm giữ, khi hỏi cung bị can và nếu Điều tra viên đồng ý thì được hỏi người bị tạm giữ, bị can và có mặt trong những hoạt động điều tra khác;”* theo quy định này thì việc luật sư muốn hỏi người bị tạm giữ vấn đề gì, phải được điều tra viên đồng ý thì mới được hỏi. Thực tế có nhiều CQĐT yêu cầu Luật sư viết trước câu hỏi đưa cho ĐTV xem trước và câu nào cho hỏi mới được hỏi. Việc hỏi này hoàn toàn phụ thuộc vào ý chí chủ quan của ĐTV, có nhiều trường hợp ĐTV không cho Luật sư hỏi mà chỉ ngồi để nghe và sau đó thì ký tên xác nhận vào biên bản ghi lời khai của ĐTV. Thực tế nhiều cán bộ, ĐTV khuyên người bị tạm giữ thuê Luật sư làm gì tội nặng thêm, tốn tiền vô ích, tội này đã rõ và vụ án đã được quyết định... Nhiều trường hợp người thân của người bị tạm giữ đến yêu cầu luật sư, khi luật sư đến liên hệ làm việc và gặp người bị tạm giữ thì được ĐTV trả lời là người bị tạm giữ không yêu cầu luật sư và mang ra lá đơn viết ngoằn ngoèo về việc từ chối luật sư mà trước đó gia đình và người bị tạm giữ đều có mong muốn nhờ luật sư tham gia ngay từ giai đoạn điều tra.

Những khó khăn cản ngại trong quá trình tham gia TTHS của Luật sư thời gian qua tập trung thể hiện trước hết trong pháp luật thực định và một số biểu hiện cản trở gây khó khăn cho Luật sư khi tham gia tố tụng. Địa vị pháp lý của người bào chữa trong BLTTHS 2003 chưa được coi trọng, mang nặng tính hình thức, quyền tiếp cận của người bị tình nghi phạm tội với dịch vụ pháp lý chưa thật sự được bảo đảm, Luật sư chưa thật sự giúp ích hiệu quả cho họ trong giai đoạn điều tra. Tại Điều 58 BLTTHS 2003 quy định về quyền và nghĩa vụ của người bào chữa thì tư cách tham gia tố tụng của người bào chữa trên thực tế chưa thật sự bình đẳng với NTHTT, là quyền năng phát sinh của người bị tạm giữ dường như hoàn toàn phụ thuộc vào sự chấp thuận hay không của CQTHTT. Người bào chữa chưa được bình đẳng trong việc thu thập, đánh giá chứng cứ nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp

cho người bị tình nghi phạm tội. Việc tiếp cận quyền bào chữa một cách hiệu quả đòi hỏi phải có sự hợp tác và hỗ trợ từ phía các CQTHTT dưới nhiều hình thức như giải thích rõ cho người bị tạm giữ về quyền tự bào chữa hoặc nhờ người khác bào chữa. So với quy định về quyền bào chữa tại Điều 11 BLTTHS 2003 thì quyền bào chữa trong BLTTHS 2015 có nhiều điểm mới, tiến bộ hơn như ngoài người bị tạm giữ, bị can bị cáo có quyền bào chữa như hiện hành thì người bị bắt cũng được bảo đảm quyền bào chữa; mở rộng hơn việc người bào chữa có quyền thu thập chứng cứ thay vì chỉ có quyền thu thập tài liệu, đồ vật như hiện nay; Rút ngắn thời hạn cấp giấy đăng ký bào chữa xuống còn 12 giờ đối với trường hợp bào chữa cho người bị tạm giữ để người bào chữa có điều kiện nhanh chóng tiếp cận với quá trình giải quyết vụ án (Điều 78 BLTTHS 2015). Có thể thấy BLTTHS 2015 đã quy định cụ thể, minh bạch về thủ tục bào chữa trong giai đoạn điều tra, tạo cơ sở pháp lý để cả cơ quan tố tụng và người bào chữa làm tròn phận sự của mình theo đúng quy định của pháp luật.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Trong quá trình hình thành và phát triển Nhà nước ta luôn quan tâm đến việc bảo đảm quyền con người nói chung và quyền con người của người bị tạm giữ nói riêng từ góc độ quy định của pháp luật cũng như việc áp dụng các quy định đó trên thực tế.

Trên cơ sở kế thừa và hoàn thiện BLTTHS 2015 đã phát triển lên một bước ngoặt mới, hoàn thiện các nguyên tắc tố tụng hình sự; các quy định về quyền hạn, trách nhiệm của người tiến hành tố tụng, quyền, nghĩa vụ của người bị tạm giữ, các biện pháp ngăn chặn, các thủ tục điều tra, truy tố ... đặc biệt bổ sung một số chế định rất quan trọng liên quan đến việc bảo đảm quyền con người của người bị tạm giữ trong tố tụng hình sự như ghi nhận nguyên tắc suy đoán vô tội; quy định rõ quyền hạn, nhiệm vụ của cấp trưởng, cấp phó các cơ quan được giao tiến hành một số hoạt động điều tra; Điều chỉnh khái niệm chứng cứ; xử lý chặt chẽ hơn về vật chứng. Ngoài ra BLTTHS 2015 cũng quy định về rút ngắn thời hạn tạm giam, việc

gia hạn tạm giam cùng nhiều bổ sung về hoạt động điều tra, truy tố ...trong vụ án hình sự.

Từ góc độ pháp luật quốc tế, BLTTHS 2015 cơ bản thể hiện được nội dung của pháp luật quốc tế liên quan đến việc bảo đảm quyền con người của người bị tạm giữ trong tổ tụng hình sự.

Riêng đối với BLTTHS 2003 là cơ sở pháp lý quan trọng cho hoạt động tổ tụng trong đấu tranh phòng chống tội phạm. Trong những năm qua, hoạt động đấu tranh phòng chống tội phạm được thực hiện nhìn chung có hiệu quả; các quy định của BLTTHS được chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất; quyền con người của người bị tạm giữ về cơ bản được thực hiện.

Tuy nhiên, nhìn từ góc độ bảo đảm quyền con người của người bị tạm giữ trong hoạt động tổ tụng hình sự những năm qua cũng còn một số hạn chế như tình trạng bắt tạm giữ trái pháp luật (không có lệnh bắt), các quy định của BLTTHS còn bị vi phạm nhiều mà nguyên nhân của những hạn chế đó phần lớn là do ý thức, trình độ, năng lực của người tiến hành tổ tụng; chế độ trách nhiệm đối với người tiến hành tổ tụng chưa rõ ràng.

Trong suốt tiến trình thực hiện trên thực tế về quyền con người của người bị tạm giữ từ thực tiễn tỉnh Kiên Giang trong những năm qua 2011-2015 cho thấy: trình độ, năng lực của NHTTT đã được cải thiện rõ rệt, tuy nhiên thực tế thực hiện áp dụng pháp luật nói chung và đối với người bị tạm giữ nói riêng còn nhiều hạn chế. Mặc dù bằng cấp, trình độ của đội ngũ cán bộ NHTTT được nâng lên đáng kể nhưng cách thức, nhận thức và lề lối làm việc cho đến nay vẫn chưa có sự cải thiện. Chính vì vậy tác giả luôn nhấn mạnh rằng pháp luật dù có kiện toàn đến mấy cũng chỉ là công cụ hỗ trợ, yếu tố con người mới là yếu tố quyết định. Vì lẽ đó, để bảo đảm quyền con người nói chung và bảo đảm quyền con người của người bị tạm giữ nói riêng thực tế cần nâng cao nhận thức của NHTTT là điều cốt lõi, đầu tiên và quan trọng nhất.

Chương 3

GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM QUYỀN CON NGƯỜI CỦA NGƯỜI BỊ TẠM GIỮ TRONG PHÁP LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM

3.1. Định hướng và quan điểm hoàn thiện pháp luật về bảo đảm quyền con người của người bị tạm giữ trong pháp luật Tổ tụng hình sự

Quyền con người là sự kết tinh những giá trị cao đẹp nhất trong nền văn hóa của nhân loại. Những giá trị này được hình thành với sự đóng góp của tất cả các quốc gia, dân tộc, giai cấp, tầng lớp và cá nhân con người trên trái đất, chứ không phải sản phẩm riêng của bất cứ quốc gia, dân tộc hay giai cấp nào. Trong khi việc xây dựng một nền “văn hóa quyền con người toàn cầu” đang là mục tiêu cao cả mà cộng đồng quốc tế hướng tới, việc hội nhập các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc với các tiêu chuẩn pháp lý quốc tế hiện đại về quyền con người là thực sự cần thiết ở mọi quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam. Mặc dù vậy, do nhiều nguyên nhân và điều kiện khác nhau, hoạt động giáo dục và đào tạo về quyền con người ở nước ta không tránh khỏi những bất cập. Điều này dẫn tới một số hậu quả tiêu cực là đối với xã hội, do thiếu kiến thức về các quyền, người bị tạm giữ trong nhiều tình huống không biết cách tự bảo vệ quyền hoặc có hành vi trái pháp luật làm tổn hại đến quyền của người khác. Thiếu kiến thức cũng dẫn đến thiếu ý thức về quyền điều này khiến cho người bị tạm giữ trở nên thụ động và e ngại khi thực hiện các quyền của mình mặc dù đã được pháp luật quy định và bảo vệ. Đối với các CQTTT, NHTTT không có đủ nguồn nhân lực có kiến thức toàn diện, chuyên sâu về vấn đề bảo đảm quyền con người nói chung và quyền con người của người bị tạm giữ nói riêng từ đó dễ dẫn đến sai sót trong hoạt động TTTHS và thực thi pháp luật liên quan đến quyền con người.

Để vượt qua khó khăn, thách thức đối với sự vận hành của cơ chế bảo đảm quyền con người và để đạt được nhiều tiến bộ hơn trong việc nâng cao giá trị về việc bảo đảm quyền con người của người bị tạm giữ thì việc chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 đã đặt ra mục tiêu và định hướng hoàn thiện pháp luật Việt Nam trong giai đoạn

2010 – 2020, đây được xem là giai đoạn bản lề của việc phát triển kinh tế, hoàn thiện về thể chế và pháp luật. Trong đó, Nghị quyết nhấn mạnh mục tiêu bảo đảm quyền con người và phát huy vai trò và hiệu lực của pháp luật để pháp luật thật sự đi vào cuộc sống. Bên cạnh đó, nội dung hoạt động cải cách tư pháp theo tinh thần Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 cũng được coi như kim chỉ nam cho mục tiêu hoàn thiện pháp luật hình sự trong đó có việc hoàn thiện các quy định liên quan tới bảo đảm quyền con người của người bị tạm giữ. Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 thực hiện nhiệm vụ xây dựng một nền tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, bảo vệ công lý, độc lập xét xử và có hiệu quả, hiệu lực cao. Các trọng tâm triển khai Chiến lược cải cách tư pháp bao gồm: Xây dựng hoàn thiện hệ thống pháp luật về hỗ trợ tư pháp theo hướng đáp ứng ngày càng đầy đủ, thuận lợi các nhu cầu đa dạng về hỗ trợ pháp lý của nhân dân; cải cách thủ tục tố tụng tư pháp theo hướng dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch, chặt chẽ, bảo đảm sự tham gia đúng luật và có chất lượng cao của các chủ thể quan hệ tố tụng; bảo đảm chất lượng tranh tụng tại các phiên tòa xét xử; bảo đảm xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không để lọt tội phạm và không làm oan người vô tội... bảo đảm quyền con người nói chung và bảo đảm quyền của người bị tạm giữ nói riêng trong tố tụng hình sự.

Cùng với tiến trình đó Hiến pháp 2013 đã khẳng định sự kế thừa có chọn lọc những giá trị bất biến về quyền con người. Việc ghi nhận quyền con người trong Hiến pháp đã bảo đảm phù hợp với các điều ước quốc tế về quyền con người mà nước ta tham gia ký kết. Làm rõ hơn các quyền, nghĩa vụ cơ bản của công dân và trách nhiệm của Nhà nước trong việc bảo đảm thực hiện quyền con người. Hiến pháp 2013 đặt ra nguyên tắc: *“Quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe cộng đồng”* (khoản 2 Điều 14).

Như vậy, chỉ có các đạo luật do Quốc hội ban hành mới được quy định các biện pháp hạn chế quyền con người và việc hạn chế cũng chỉ trong trường hợp đã được Hiến pháp giới hạn. Đây là nguyên tắc quan trọng, thể hiện tư tưởng pháp quyền, thái độ tôn trọng con người, trên cơ sở đó định ra những bảo đảm cao nhất ở tầm “Hiến pháp và luật” để bảo vệ con người trong đó có quyền con người của người bị tạm giữ. Trong lĩnh vực TTHS, để đạt được mục đích cao nhất là phát hiện tội phạm và người phạm tội, pháp luật của tất cả các nước đều cho phép áp dụng một số biện pháp hạn chế quyền con người, quyền của người bị tạm giữ. Song vấn đề cần nhấn mạnh là, không phải bất cứ đối tượng nào cũng có thể bị áp dụng các biện pháp này. Trường hợp cần phải áp dụng biện pháp hạn chế quyền con người, quyền con người của người bị tạm giữ thì phải đáp ứng đầy đủ căn cứ luật định, phải trên cơ sở và chỉ trong khuôn khổ quy định của pháp luật.

Bộ luật tố tụng hình sự 2015 đã thể chế hóa chủ trương cải cách tư pháp của Đảng; thể chế hóa Hiến pháp 2013; tăng cường trách nhiệm của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; kế thừa và phát huy những mặt tích cực của Bộ luật tố tụng hình sự 2003 trong việc bảo đảm quyền con người của người bị tạm giữ trong tố tụng hình sự. Nó xác định rõ trách nhiệm của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng “phải tôn trọng và bảo vệ quyền con người, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân; thường xuyên kiểm tra tính hợp pháp và sự cần thiết của những biện pháp đã áp dụng, kịp thời hủy bỏ hoặc thay đổi những biện pháp đó nếu thấy có vi phạm pháp luật hoặc không còn cần thiết” (Điều 8).

Việc áp dụng các biện pháp hạn chế quyền con người của người bị tạm giữ chỉ được giao cho thủ trưởng các cơ quan tiến hành tố tụng. Quy định chặt chẽ căn cứ, điều kiện tiến hành các biện pháp tố tụng nhằm tránh lạm dụng. Bất kỳ sự vi phạm nào trong quá trình giải quyết vụ án đều không thể chấp nhận và cơ quan tiến hành tố tụng sẽ phải đối diện với những chế tài như: chứng cứ đã thu thập sẽ bị tuyên bố vô hiệu; phải tiến hành điều tra, truy tố, xét xử lại, ngoài ra NTHTT vi phạm còn phải bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự... Việc bảo đảm quyền con người của người bị tạm giữ là cần thiết vì nó bảo đảm cho hoạt

động tố tụng dân chủ hơn, trách nhiệm hơn, đòi hỏi mỗi cán bộ tố tụng cần phải thay đổi nhận thức của mình, thói quen, cách làm để kịp thời đáp ứng những yêu cầu mới của pháp luật, góp phần làm nên những giá trị tiến bộ của nền tư pháp nước nhà.

Tuyên ngôn nhân quyền của Liên hợp quốc năm 1948 khẳng định: “Bất kỳ người nào bị buộc tội đều có quyền được coi là vô tội cho đến khi một Tòa án công khai, nơi người đó đã có được tất cả những bảo đảm cần thiết để bào chữa cho mình, chứng minh được tội trạng của người đó dựa trên cơ sở luật pháp” (Điều 11). Tiếp thu những thành tựu của văn minh pháp lý nhân loại, Hiến pháp 2013 đã bổ sung và quy định đầy đủ nội dung của nguyên tắc suy đoán vô tội: *“người bị buộc tội được coi là không có tội cho đến khi được chứng minh theo trình tự luật định và có bản án kết tội của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật”* (Khoản 1 Điều 31) đây là nguyên tắc quan trọng, có tính chất nền tảng, chi phối nhiều nguyên tắc khác trong tố tụng hình sự.

Việc đổi mới chế định thời hạn tố tụng hình sự nhằm bảo đảm tốt hơn quyền con người, quyền công dân. Vì TTHS là quá trình chứng minh tội phạm và người phạm tội, nó luôn tiềm ẩn nguy cơ ảnh hưởng trực tiếp đến những quyền cơ bản nhất của của người bị tạm giữ. Yêu cầu đặt ra là phải quy định và kiểm soát nghiêm ngặt quá trình này, trong đó có vấn đề thời hạn cần phải đáp ứng bảo đảm ở mức cao nhất quyền con người, quyền của người bị tạm giữ nói riêng; khả năng thực tế của các cơ quan tố tụng xét trên tổng thể các yếu tố về năng lực, biên chế, thực tế đầu tư trang thiết bị, phương tiện. Không gây áp lực cho các cơ quan tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án nhưng phải thiết chế để đặt các cơ quan này trong trạng thái luôn phải nỗ lực, chủ động để hoàn thành nhiệm vụ trong thời gian sớm nhất.

3.2. Giải pháp bảo đảm quyền con người của người bị tạm giữ trong pháp luật Tố tụng hình sự

Bảo đảm thực hiện quyền con người của người bị tạm giữ được đặt ra trước hết xuất phát từ mục tiêu, bản chất của chế độ; đó cũng là một trong những nội dung và đặc trưng rất cơ bản và quan trọng của Nhà nước pháp quyền XHCN mà chúng

ta đang xây dựng; đồng thời, trước xu thế dân chủ hóa, giao lưu và hội nhập quốc tế ngày càng gia tăng, đòi hỏi quyền con người và các quyền tự do cơ bản của cá nhân công dân phải được tôn trọng và tăng cường hơn nữa. Trước yêu cầu đó, trong điều kiện của nước ta hiện nay, bảo đảm hiện thực hóa quyền con người cần phải áp dụng đồng bộ nhiều giải pháp. Công tác lập pháp của Quốc hội trong thời gian qua đã bộc lộ một số bất cập, hạn chế. Trong hoạt động lập pháp, tình trạng một số luật, pháp lệnh mới được ban hành nhưng chất lượng chưa cao, thiếu tính khả thi, chậm đi vào cuộc sống. Quá trình xây dựng một số luật, pháp lệnh chưa thực sự bám sát nhu cầu cuộc sống, dẫn đến việc phải sửa đổi, bổ sung nhiều lần, làm ảnh hưởng đến sự ổn định của hệ thống pháp luật, từ đó làm cho quyền con người, quyền công dân, quyền con người của người bị tạm giữ chưa được thực hiện đầy đủ trong thực tiễn.

Quy trình xây dựng pháp luật chưa đồng bộ và có điểm chưa hợp lý; nhiều nội dung đã được quy định nhưng việc thực hiện có lúc còn chưa nghiêm túc. Việc bảo đảm tính hợp hiến và tính thống nhất của hệ thống pháp luật đối với một số dự án luật, pháp lệnh và công tác giải thích Hiến pháp, luật, pháp lệnh thực hiện còn hạn chế. Quy định trong nhiều văn bản pháp luật, pháp lệnh được ban hành vẫn còn trùng lặp hoặc mâu thuẫn, chồng chéo với các văn bản đã được ban hành trước đó, nhiều quy định còn mang tính khung chưa cụ thể, do thiếu cơ chế, điều kiện bảo đảm thực hiện các quyền con người, quyền công dân, cần tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng lập pháp.

Vì vậy, trong thời gian tới giải pháp hoàn thiện và hướng dẫn áp dụng pháp luật về bảo đảm quyền con người của người bị tạm giữ trong pháp luật TTHS cần tập trung:

Thứ nhất, cần hướng dẫn chi tiết, cụ thể các biện pháp ngăn chặn không giam giữ như bảo lãnh, cấm đi khỏi nơi cư trú, đặt tiền hoặc tài sản có giá trị để bảo đảm cho việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn, mục đích giúp cho CQTHTT tăng cường áp dụng các biện pháp này. Cần hướng dẫn thống nhất áp dụng Điều 122 BLTTHS 2015 về mức tiền phải đặt, thẩm quyền và thủ tục cụ thể về việc sung quỹ

Nhà nước số tiền đặt để các CQTHTT không gặp vướng mắc hay lúng túng khi thực hiện áp dụng biện pháp ngăn chặn này...

Thứ hai, cần chú trọng công tác nâng cao nhận thức, trình độ của Điều tra viên, Kiểm sát viên.

Để bảo đảm quyền con người của người bị tạm giữ phụ thuộc nhiều vào sự hoàn thiện của các quy định pháp luật và việc hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật. Tuy nhiên, dù pháp luật có quy định cụ thể đến đâu thì hiệu quả của nó phụ thuộc rất nhiều vào quan điểm, nhận thức của người áp dụng pháp luật trong từng trường hợp cụ thể. Việc áp dụng các quy định của pháp luật mang tính cưỡng chế cũng phụ thuộc vào nhiều quan điểm, cách nhìn nhận của người có thẩm quyền áp dụng. Ví dụ như một người phạm tội nghiêm trọng hay ít nghiêm trọng đều có căn cứ để tạm giam, tuy nhiên việc có áp dụng biện pháp tạm giam hay không trong từng trường hợp cụ thể phụ thuộc vào quan điểm của người có thẩm quyền.

Trong hoạt động tố tụng, nhiều hành vi tố tụng (kỹ năng điều tra, kỹ năng kiểm sát...) chưa được BLTTHS quy định; các hành vi tố tụng đó được thực hiện tốt hay không, bảo đảm tôn trọng quyền con người của người bị tạm giữ hay không phụ thuộc vào khả năng, kinh nghiệm của từng chủ thể tiến hành tố tụng. Chính vì vậy, cần tăng cường nhận thức, trình độ chuyên môn nghiệp vụ, trình độ văn hóa ứng xử CQTHTT, NTHTT là giải pháp quan trọng bảo đảm cho hoạt động điều tra, truy tố đáp ứng yêu cầu tôn trọng và bảo đảm quyền con người nói chung và quyền con người của người bị tạm giữ nói riêng.

Thứ ba, cần hoàn thiện các quy định về trách nhiệm hình sự đối với các hành vi xâm phạm quyền con người của người bị tạm giữ trong hoạt động tư pháp nói chung. Đồng thời cần mạnh tay truy cứu trách nhiệm hình sự đối với những trường hợp do thiếu trách nhiệm truy cứu trách nhiệm hình sự oan người không có tội gây hậu quả nghiêm trọng mới có thể nâng cao trách nhiệm của NTHTT trong việc bảo đảm quyền con người của người bị tạm giữ và từng bước hoàn thiện pháp luật về bồi thường thiệt hại trong trường hợp oan, sai trong tố tụng hình sự.

Hoàn thiện chế độ kỷ luật đối với hành vi xâm phạm quyền con người của người bị tạm giữ trong TTHS. Những hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng xâm phạm quyền con người của người bị tạm giữ chưa đến mức độ truy cứu trách nhiệm hình sự thì tùy tính chất, mức độ phải được xử lý kỷ luật một cách hợp lý; phải được đánh giá để bãi miễn hoặc không tái bổ nhiệm chức danh chuyên môn như Thủ trưởng, Phó thủ trưởng Cơ quan điều tra, Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên... Đặc biệt là những người không đủ năng lực đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của hoạt động tư pháp, đã có những vi phạm nghiêm trọng quyền con người của người bị tạm giữ thì không nên phân công tiếp tục thực hiện các trách nhiệm, quyền hạn tố tụng hình sự đặt ra.

3.3. Giải pháp đối với thực tiễn bảo đảm quyền con người của người bị tạm giữ trên địa bàn tỉnh Kiên Giang

Trên cơ sở báo cáo kết quả công tác năm 2015 của Viện kiểm sát Nhân dân tỉnh Kiên Giang, người viết đề xuất một số giải pháp chung đặt ra cho công tác kiểm sát nói chung trên địa bàn tỉnh Kiên Giang để bảo đảm quyền con người của người bị tạm giữ trong TTHS như sau:

Cần nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm, trình độ pháp lý, nghiệp vụ và đạo đức nghề nghiệp của những người tiến hành tố tụng, trong công tác tiếp nhận, phân loại và xử lý tin báo, tố giác tội phạm của nhân dân. Kịp thời có mặt tại nơi xảy ra vụ việc có tin báo để xác nhận có hay không có hành vi phạm tội, có người phạm tội hay không, có những hoạt động tác nghiệp phù hợp để thu giữ tang vật, các dấu vết liên quan ... làm cơ sở ban đầu xác định hành vi phạm tội có căn cứ và đúng pháp luật, giúp cho việc tạm giữ người chính xác, khách quan, không bắt giữ oan người vô tội.

Nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò và trách nhiệm của cán bộ có thẩm quyền trong việc bắt, ra quyết định tạm giữ đối với người bị tạm giữ và cán bộ làm công tác quản lý việc tạm giữ, tạm giam tại các nhà tạm giữ, tạm giam.

Các chủ thể tiến hành tố tụng cần thường xuyên học tập, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, ý thức chính trị, đề cao ý thức tổ chức kỷ luật, nắm

chắc các quy định của pháp luật về người bị tạm giữ, hiểu rõ tính chất, mục đích của việc tạm giữ; bảo đảm khi thực hiện bắt người phải có lệnh và có sự phê chuẩn của Viện kiểm sát, hạn chế tình trạng “tiền trạm hậu tẩu” khi bắt người; tôn trọng và bảo vệ các quyền con người, các quyền và lợi ích hợp pháp của người bị tạm giữ, phối hợp và tạo điều kiện thuận lợi cho người bào chữa tham gia vào quá trình điều tra vụ án hình sự ngay từ khi người bị tạm giữ có yêu cầu có người bào chữa cho họ. Thường xuyên bồi dưỡng, đào tạo và đào tạo lại cho cán bộ, chiến sỹ làm công tác quản lý giam giữ, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng nghề nghiệp để đáp ứng kịp thời với yêu cầu công tác quản lý tạm giam, tạm giữ trong thời kỳ mới.

Đối với người tiến hành tố tụng trong hoạt động kiểm sát chỉ phê chuẩn lệnh bắt khi đã xác định rõ căn cứ chứng tỏ người bị nghi thực hiện tội phạm sẽ gây khó khăn cho hoạt động tố tụng. VKS phải phối hợp chặt chẽ với cơ quan điều tra, nghiên cứu kỹ tài liệu, hồ sơ vụ án, gặp trực tiếp và hỏi kỹ càng ĐTV, những người có liên quan đến vụ án và cả người bị tạm giữ về các tình tiết của vụ án để quyết định phê chuẩn hay không phê chuẩn lệnh bắt, quyết định gia hạn tạm giữ. Trong trường hợp tạm giữ người không có căn cứ thì VKS kiên quyết không phê chuẩn quyết định gia hạn tạm giữ, yêu cầu cơ quan điều tra hủy bỏ quyết định tạm giữ và trả tự do ngay cho người bị tạm giữ. VKS cấp trên chủ động hướng dẫn nghiệp vụ, thông báo rút kinh nghiệm đối với VKS cấp dưới, kịp thời có những thông tin hai chiều về những vướng mắc, khó khăn cần tháo gỡ trong công tác kiểm sát việc tạm giữ. Mỗi Kiểm sát viên cần đề cao ý thức trách nhiệm, ý thức pháp luật, ý thức chính trị và đạo đức nghề nghiệp trong quá trình thực thi công vụ của mình.

Trên cơ sở quán triệt tinh thần cải cách tư pháp về nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ của các cơ quan tư pháp, cần tập trung đào tạo những cán bộ giỏi, chuyên sâu trong từng lĩnh vực để có nhiều chuyên gia giỏi, khắc phục tình trạng chất lượng cán bộ tư pháp còn yếu như hiện nay. Đồng thời, cần nâng cao sự phối hợp giữa các cơ quan THTT nhất là giữa CQĐT và VKS, giữa ĐTV và kiểm sát viên trong việc tạm giữ người bị nghi thực hiện tội phạm. Kịp thời tháo gỡ những

khó khăn trong việc xác định hành vi phạm tội của người bị tạm giữ, trên cơ sở phát huy trí tuệ tập thể có đường lối phân loại, xử lý chính xác đúng quy định của pháp luật bảo đảm quyền con người của người bị tạm giữ được thực hiện.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật cho nhân dân nhằm nâng cao nhận thức pháp luật và thực hiện có hiệu quả các biện pháp bảo đảm công dân tham gia tích cực vào việc đấu tranh chống tội phạm.

- + Tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật là một phương pháp hiệu quả nhằm nâng cao hiểu biết của người dân về kiến thức pháp luật. Điều này một mặt giúp người dân tự ý thức và tuân thủ pháp luật, tự mình bảo vệ những lợi ích chính đáng của bản thân và lợi ích chung của xã hội, mặt khác giúp cơ quan THTT nhanh chóng phát hiện và có biện pháp xử lý kịp thời đối với những hành vi phạm tội. Thực tiễn cho thấy, phần lớn nhân dân do thiếu hiểu biết pháp luật mà nhất là pháp luật về TTTHS nên đôi khi còn có thái độ tiêu cực trong đấu tranh phòng chống tội phạm. Hay do sợ mất thời gian, sợ liên lụy tới pháp luật, sợ bị trả thù ... nên không tích cực tham gia vào việc tố giác tội phạm. Thậm chí, có người vì những lý do cá nhân khác nhau mà cung cấp thông tin thiếu chính xác, sai sự thật gây khó khăn cho cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình xác minh, giải quyết tin tố giác, tin báo về tội phạm và trong quá trình giải quyết vụ án hình sự. Bởi vậy, công tác tuyên truyền giáo dục cho nhân dân là rất cần thiết và cần được thực hiện bằng nhiều hình thức như: Thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, thông qua các đoàn thể quần chúng, các tổ chức chính trị, xã hội, thông qua các cuộc thi tìm hiểu pháp luật dưới dạng sân khấu hóa... và đặc biệt quan tâm đến công tác giáo dục pháp luật từ các cấp trong trường học để tạo thói quen và nâng cao ý thức tôn trọng pháp luật.

- Đối với người bị tạm giữ cần phải được thường xuyên giáo dục chính sách, pháp luật, nội quy nhà tạm giữ, trại tạm giam, quy chế về tạm giữ, tạm giam. Nhằm nâng cao ý thức cho người bị tạm giữ, hạn chế mức thấp nhất việc người bị tạm giữ phạm tội mới ở nhà tạm giữ, đồng thời nâng cao hiểu biết, nhận thức để người bị tạm giữ tự bảo vệ các quyền con người, quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

- Nâng cao chất lượng kiểm sát công tác tạm giữ bảo đảm cho việc bắt tạm giữ được thực hiện nghiêm chỉnh, đúng quy định của pháp luật. Đồng thời bảo vệ tính mạng, tài sản, danh dự, nhân phẩm của người bị bắt, người bị tạm giữ cũng như các quyền khác của họ được pháp luật bảo vệ. Vì vậy, để bảo đảm các quyền và lợi ích hợp pháp của người bị tạm giữ thì cần nâng cao hơn ý thức, trách nhiệm trong công tác kiểm sát việc tạm giữ, kiểm sát chặt chẽ việc phân loại người bị tạm giữ nhằm chống thông cung, trốn, vi phạm kỷ luật và phạm tội mới, hạn chế thấp nhất các trường hợp chết do tự sát. Tăng cường công tác kiểm sát hàng ngày của Viện kiểm sát đối với nhà tạm giữ, trại tạm giam. Phần đầu hạn chế đến mức thấp nhất tỷ lệ bắt, tạm giữ hình sự sau không đủ căn cứ khởi tố phải trả tự do. Kiểm sát chặt chẽ công tác quản lý và việc thực hiện chế độ đối với người bị tạm giữ theo quy định của pháp luật. Nhằm thực hiện nghiêm việc bảo đảm các quyền con người và quyền lợi ích hợp pháp khác của người bị tạm giữ.

- Tăng cường xây dựng cơ sở vật chất cho nhà tạm giữ, cải thiện và nâng cao chất lượng các phương tiện thông tin, liên lạc phục vụ cho công tác tạm giữ, tạm giam. Thực tế tình hình người bị tạm giữ trong thời gian qua vẫn diễn biến phức tạp. Người phạm tội ngày càng manh động, chống đối quyết liệt, dùng những thủ đoạn và phương tiện kỹ thuật tinh vi nhằm che dấu tội phạm. Trong khi đó cơ sở vật chất phục vụ cho việc tạm giữ ở nhiều địa phương đã được xây dựng từ lâu, xuống cấp, hư hỏng, không đáp ứng được yêu cầu quản lý việc giam giữ trong tình hình mới. Nhiều dự án phục vụ công tác tạm giữ chậm được triển khai, vệ sinh môi trường cơ sở tạm giữ không đảm bảo. Do vậy, cần thiết phải bổ sung các trang thiết bị kỹ thuật nhằm bảo đảm tốt nhất cho công tác kiểm tra, quản lý người bị tạm giữ tại các buồng giam giữ trong các nhà tạm giữ, trại tạm giam. Cài đặt các hệ thống camera để quan sát trong các buồng tạm giữ, tạm giam để kịp thời phát và giải quyết các vấn đề đột xuất xảy ra như: tự tử, đánh nhau, bỏ trốn, “thông cung”. Đồng thời, cần có kế hoạch và kịp thời triển khai thực hiện việc sửa chữa hoặc xây mới đối với các nhà tạm giữ, trại tạm giam xuống cấp và thường xuyên quá tải...

- Nâng cao vị trí, vai trò của luật sư trong hoạt động tư pháp, luật sư phải là người đại diện thực sự cho thân chủ. Sự tham gia của luật sư là giúp cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong quá trình tiến hành tố tụng, nhanh chóng làm sáng tỏ bản chất thật sự của vụ án, tránh làm giảm thiểu đến mức thấp nhất oan, sai, không vô tư, khách quan trong hoạt động tố tụng.

- Phát triển đội ngũ trợ giúp viên pháp lý. Mặc dù công tác đào tạo luật sư trong những năm gần đây đã đáp ứng phần nào nhu cầu của người dân về hỗ trợ pháp lý, tuy nhiên vẫn còn nhiều hạn chế mà đặc biệt là ở những vùng sâu, vùng xa (huyện U Minh Thượng, Vĩnh Thuận, An Minh ...) và việc những người nghèo, có hoàn cảnh khó khăn thì việc mời luật sư tham gia tố tụng rất khó. Vì vậy, phát triển đội ngũ trợ giúp viên pháp lý ở các địa phương sẽ là giải pháp hiệu quả nhằm tăng cường hoạt động bảo chữa.

- Do sự hiểu biết pháp luật của người dân chưa cao, đặc biệt là những người ở vùng sâu, vùng xa nên khi vi phạm pháp luật ít người nắm rõ và biết được các quyền của mình. Chính những lúc như thế này, Điều tra viên phải là người đầu tiên hướng dẫn, phổ biến quyền và nghĩa vụ của họ. Khi người bị tạm giữ biết được quyền của mình thì họ sẽ tự tin yêu cầu luật sư cho mình. Chính vì vậy, trách nhiệm, lương tâm của Điều tra viên là rất quan trọng, hình thành nên nguyên tắc ứng xử trong tố tụng; trong quá trình giải quyết vụ án bảo đảm trung thực, khách quan.

- Công tác đào tạo con người là then chốt, chất lượng đào tạo sẽ phản ánh được thông qua năng lực làm việc thể hiện ở chất lượng công việc. Để làm được điều này Nhà nước cần có sự đột phá về chế độ lương, thưởng, phụ cấp kèm theo đó là trách nhiệm của cán bộ và tổ chức công tác hậu kiểm chặt chẽ.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Thực tiễn cho thấy, người bị tạm giữ là những người tham gia tố tụng có vị trí trung tâm trong quá trình giải quyết vụ án. Họ là người bị cơ quan tiến hành tố tụng coi là người đã thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội được Bộ luật Hình sự quy định là tội phạm. Trong những năm qua, hoạt động đấu tranh phòng chống tội

phạm được thực hiện nhìn chung có hiệu quả, các quy định của BLTTHS được các CQTHTT, NTHTT chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất quyền của người bị tạm giữ cơ bản được thực hiện. Tuy nhiên, từ góc độ bảo đảm quyền con người của người bị tạm giữ vẫn còn hạn chế do ý thức, trình độ, năng lực của người THTT, chế độ trách nhiệm đối với người THTT chưa rõ ràng. Bên cạnh đó, việc tăng cường giáo dục, ý thức pháp luật, ý thức về quyền con người, nâng cao trình độ các chủ thể tham gia vào quá trình giải quyết vụ án hình sự, về tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, tăng cường hiệu quả giám sát hoạt động tư pháp từ phía các cơ quan THTT, tạo thế cân bằng trong quy định về quyền và nghĩa vụ của những người THTT và người tham gia tố tụng, nâng cao hiệu quả bảo đảm quyền con người của người bị tạm giữ đáp ứng các yêu cầu đặt ra theo tinh thần Nghị quyết 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị.

Tóm lại, cùng với việc hoàn thiện, hướng dẫn thực hiện các quy định của BLTTHS mới, cần thực hiện các giải pháp khác nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động tố tụng trong bảo đảm quyền con người của người bị tạm giữ. Trong đó có những giải pháp quan trọng như: Tăng cường hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật tố tụng hình sự; nâng cao trình độ năng lực vị thế của đội ngũ luật sư; hoàn thiện chế độ trách nhiệm của cơ quan, người tiến hành tố tụng đối với việc vi phạm quyền con người trong tố tụng hình sự nói chung, của người bị tạm giữ nói riêng; kiện toàn tổ chức, biên chế đội ngũ cán bộ làm công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại tư pháp.

KẾT LUẬN

Bảo đảm quyền con người nói chung và quyền con người của người bị tạm giữ nói riêng trong TTHS là vấn đề rộng và chưa được nghiên cứu nhiều trong khoa học TTHS. Đây là một vấn đề khó nhưng rất quan trọng cả về lý luận và thực tiễn, nghiên cứu đề tài luận văn thạc sỹ luật học *“Bảo đảm quyền con người của người bị tạm giữ theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Kiên Giang”* học viên đã cố gắng nghiên cứu góp phần làm rõ thêm những vấn đề lý luận về quyền con người và bảo đảm quyền con người của người bị tạm giữ; làm rõ

những điểm chung và những đòi hỏi đặc thù trong việc bảo đảm quyền con người của người bị tạm giữ; đưa ra một số giải pháp thực tiễn nhằm hoàn thiện việc bảo đảm quyền con người của người bị tạm giữ.

Trên phương diện thực tiễn, các cơ quan THTT tỉnh Kiên Giang từ lâu đã chú trọng việc bảo đảm quyền con người, đặc biệt là quyền con người của người bị tạm giữ, trong thời gian qua từ năm 2011 – 2015 bảo đảm không vi phạm về quyền con người theo thống kê của Viện kiểm sát Nhân dân tỉnh Kiên Giang. Tuy nhiên, việc nghiên cứu chỉ dừng lại ở mức độ cá nhân và bên cạnh việc bảo đảm quyền con người của người bị tạm giữ thì còn có một số hạn chế nhất định về điều kiện thực hiện bảo đảm quyền con người của người bị tạm giữ cũng như một số ít cá nhân người THTT chưa nhận thức rõ vai trò, trách nhiệm của mình trong việc thực hiện nhiệm vụ.

Luận văn này là một công trình đi sâu nghiên cứu về bảo đảm quyền con người của người bị tạm giữ giai đoạn 2011 – 2015 để làm rõ vấn đề bảo đảm quyền con người của người bị tạm giữ thực tế tại tỉnh Kiên Giang, từ đó đưa ra một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác bảo đảm quyền con người nói chung và quyền con người của người bị tạm giữ nói riêng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang trong thời gian tới.

Luận văn là công trình khoa học đầu tiên nghiên cứu bảo đảm quyền con người của người bị tạm giữ thực tế tỉnh Kiên Giang, mặc dù tác giả đã có nhiều cố gắng trong quá trình nghiên cứu thực hiện luận văn nhưng kết quả nghiên cứu của đề tài không tránh khỏi những hạn chế, khiếm khuyết. Do đó, tác giả mong nhận được những ý kiến đóng góp của các quý Thầy, Cô, các đồng nghiệp ... để hoàn thiện hơn các vấn đề đã được nghiên cứu trong luận văn.

Tác giả xin chân thành xin bày tỏ lòng biết ơn tới Học viện Khoa học xã hội TP.HCM, giáo viên hướng dẫn và Viện kiểm sát Nhân dân tỉnh Kiên Giang đã tạo điều kiện giúp đỡ để tác giả hoàn thành Luận văn này.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Bí thư Trung ương Đảng (1992), *Chỉ thị số 12/CT/TW Về vấn đề quyền con người và quan điểm chủ trương của Đảng ta*, Hà Nội.
2. Trần Văn Bảy (2011), *Người bào chữa và vấn đề bảo đảm quyền của người bào chữa trong tổ tụng hình sự Việt Nam*, Tài liệu hội thảo đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ “Đảm bảo quyền con người trong Tổ tụng hình sự Việt Nam”, trường Đại học Luật TP.HCM tháng 06/2006.
3. Nguyễn Hòa Bình (2016), *Những nội dung mới trong Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015*, Nxb Chính trị Quốc Gia Hà Nội.
4. Bộ Chính trị (2002), *Nghị quyết 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp thời gian tới*, Hà Nội.
5. Bộ Chính trị (2005), *Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*, Hà Nội.
6. Bộ Công an (2011), *Thông tư số 70/2011/TT-BCA ngày 10/10/2011 về quy định chi tiết thi hành các quy định của bộ luật tố tụng hình sự liên quan đến việc bảo đảm quyền bào chữa trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự*, Hà Nội.
7. Bộ Công an (2014), *Nghị định số 13/VBHN-BCA ngày 07/4/2014 về ban hành quy chế về tạm giữ, tạm giam*, Hà Nội.
8. C.Mác –Ph.Ăng ghen (1986), *toàn tập, tập III*, Nxb Sự thật, Hà Nội
9. C.Mác –Ph.Ăng ghen (1998), *Về quyền con người*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
10. Chính Phủ (2002), *Nghị định 98/2002/NĐ-CP về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế về tạm giữ, tạm giam ban hành kèm theo Nghị định số 89/1998/NĐ-CP ngày 07/11/1998 của Chính phủ*, Hà Nội
11. Cục thống kê tỉnh Kiên Giang (2011-2015), *Niên giám thống kê năm 2011, 2012, 2013, 2014, 2015*.
12. Lê Cẩm, Nguyễn Ngọc Chí, Trịnh Quốc Toàn (2005), *Bảo vệ các quyền con người bằng pháp luật hình sự và pháp luật tố tụng hình sự trong giai đoạn xây*

dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam, Đề tài nghiên cứu Khoa học cấp Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

13. Lê Văn Cẩm (2010), *Những vấn đề chung về bảo vệ các quyền con người bằng pháp luật trong lĩnh vực tư pháp hình sự*” *Bảo đảm quyền con người trong tư pháp hình sự Việt Nam* (5-26), Nxb Đại học Quốc Gia thành phố Hồ Chí Minh, Tp.HCM.

14. Nguyễn Ngọc Chí (2013), *Bảo đảm thực hiện quyền bất khả xâm phạm về thân thể, danh dự, nhân phẩm theo Hiến pháp 2013*, *Bình luận khoa học Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, NXB Lao động xã hội, Hà Nội

15. Nguyễn Ngọc Chí (chủ biên) (2013), *Giáo trình Luật TTHS Việt Nam*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.

16. Nguyễn Đăng Dung- Vũ Công Giao – Lê Khánh Tùng (Đồng chủ biên) (2011), *Giáo trình lý luận và pháp luật về quyền con người*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.

17. Nguyễn Đăng Dung – Phạm Hồng Thái – Lê Văn Cẩm – Vũ Công Giao – Lê Khánh Tùng (Đồng chủ biên) (2011), *Bảo vệ các nhóm dễ bị tổn thương trong tổ tụng hình sự*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.

18. Đại học quốc gia Hà Nội – Khoa luật (2006), *Bảo vệ quyền con người bằng pháp luật hình sự và pháp luật tố tụng hình sự trong giai đoạn xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam*, đề tài khoa học cấp Đại học quốc gia, Hà Nội.

19. Đảng cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia – Sự thật, Hà Nội.

20. Nguyễn Tiến Đạt (2006), *Bảo đảm quyền con người trong việc bắt, tạm giữ, tạm giam*, Tạp chí KHPL, Số 03, trang 34.

21. Nguyễn Văn Động (2005), *Quyền con người, quyền công dân trong Hiến pháp Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, tr.52-53, Hà Nội.

22. Trần Ngọc Đường (2004), *Bàn về quyền con người, quyền công dân*, Nxb Chính trị Quốc Gia Hà Nội.

23. Trần Ngọc Đường (2011), *Quyền con người, quyền công dân trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc Gia – sự thật.
24. Phạm Hồng Hải (2012), *Bàn về sự tham gia của người bào chữa trong giai đoạn điều tra*, Tạp chí luật học.
25. Nguyễn Như Hiền (2014), *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về bảo vệ các quyền con người bằng pháp luật Tố tụng Hình sự Việt Nam*, Luận văn Thạc sỹ luật, trường đại học quốc gia Hà Nội.
26. Phan Trung Hoài (2016), *Những điểm mới về chế định bào chữa trong Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015*, Nxb Chính trị Quốc Gia – Sự thật.
27. Liên Hợp Quốc (1966), *Công ước về quyền con người trong lĩnh vực dân sự và chính trị*.
28. Quốc hội (1980), *Hiến pháp 1980*, Hà Nội.
29. Quốc hội (1992), *Hiến pháp 1992*, Hà Nội.
30. Quốc Hội (2003), *Bộ luật Tố tụng hình sự 2003*, Hà Nội.
31. Quốc hội (2013), *Hiến pháp 2013*, Hà Nội.
32. Quốc Hội (2013), *Luật luật sư*, Nxb Chính trị Quốc gia Hà Nội.
33. Quốc Hội (2015), *Bộ luật Tố tụng hình sự 2015*, Hà Nội.
34. Lương Thị Mỹ Quỳnh (2013), *Quyền có người bào chữa trong tố tụng hình sự Việt Nam, Đức và Hoa Kỳ*, Nxb Chính trị Quốc Gia.
35. Hoàng Thị Sơn, Bùi Kiên Điện (2000), *Các nguyên tắc tố tụng hình sự*, Nxb Công an Nhân dân, Hà Nội.
36. Tạ Ngọc Tấn (chỉ đạo nội dung), Văn phòng thường trực về nhân quyền và Học viện Chính trị Quốc Gia Hồ Chí Minh (phối hợp thực hiện) (2015), *Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân trong Hiến pháp Việt Nam*.
37. Lê Nguyên Thanh (2005), *Nạn nhân học trong Tội phạm học Việt Nam*, Tạp chí Khoa học pháp lý, Số 6, trang 31.
38. Lê Nguyên Thanh (2013), *Người bị thiệt hại do tội phạm gây ra trong tố tụng hình sự Việt Nam*, Luận án Tiến sỹ Luật học, Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh.

39. Trần Quang Tiệp (2004), *Bảo vệ quyền con người trong Luật hình sự, luật Tố tụng hình sự Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc Gia.
40. Lại Văn Trình (2011), *Đảm bảo quyền con người của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo trong Tố tụng hình sự Việt Nam*, Luận văn tiến sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.
41. Trung tâm nghiên cứu quyền con người - Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2010), *Quyền con người ở Trung Quốc và Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
42. Trung tâm nghiên cứu quyền con người và quyền công dân thuộc Khoa Luật, ĐH Quốc gia Hà Nội (2011), Lã Khánh Tùng, Vũ Công Giao, Nguyễn Anh Tuấn tuyển chọn, sắp xếp tư liệu và giới thiệu, *Tư tưởng về quyền con người*, NXB Lao động – Xã hội, Hà Nội.
43. Trung tâm nghiên cứu quyền con người và quyền công dân thuộc Khoa Luật, ĐH Quốc gia Hà Nội (2012), *Tuyển tập Hiến pháp của một số quốc gia*, NXB Hồng Đức, Hà Nội.
44. Trường đại học luật Hà Nội (1995), *Giáo trình luật tố tụng hình sự*.
45. Đào Trí Úc (2013), *Bảo đảm quyền con người trong tố tụng hình sự theo Hiến pháp 2013, Bình luận khoa học Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Nxb Lao động xã hội, Hà Nội.
46. Ủy ban Nhân dân tỉnh Kiên Giang (2011-2015), *Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội Kiên Giang năm 2011, 2012, 2013, 2014, 2015*
47. Viện kiểm sát Nhân dân tỉnh Kiên Giang (2011-2015), *Báo cáo tổng kết công tác năm 2011, 2012, 2013, 2014, 2015*.
48. Viện kiểm sát Nhân dân tỉnh Kiên Giang (2011-2015), *Thống kê tội phạm hình sự năm 2011, 2012, 2013, 2014, 2015*.
49. Viện khoa học pháp lý - Bộ tư pháp (2006), *Từ điển Luật học*, Nxb Từ điển bách khoa.
50. Võ Khánh Vinh (1990), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam phần chung*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

51. Võ Khánh Vinh (1994), *Nguyên tắc công bằng trong Luật Hình sự Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
52. Võ Khánh Vinh (2003), *Giáo trình Tội phạm học*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
53. Võ Khánh Vinh (2004), “*Người tham gia tố tụng*”, *Bình luận khoa học Bộ luật Tố tụng hình sự*. NXB Công an nhân dân.
54. Võ Khánh Vinh (2010), *Quyền con người (Giáo trình sau đại học)*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
55. Võ Khánh Vinh (chủ biên) (2010), *Quyền con người tiếp cận đa ngành và liên ngành luật học tập I*, Nxb Khoa học xã hội.
56. Võ Khánh Vinh (chủ biên) (2010), *Quyền con người tiếp cận đa ngành và liên ngành luật học tập II*, Nxb Khoa học xã hội.
57. Võ Khánh Vinh (chủ biên) (2011), *Quyền con người*, Nxb Khoa học xã hội.
58. Võ Khánh Vinh (2012), *Xã hội học pháp luật, những vấn đề cơ bản*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.

PHỤ LỤC

Phụ lục 1:

Thống kê người tạm giữ, sau đó phải trả tự do từ năm 2011 -2015

STT	Năm	2011	2012	2013	2014	2015
	Trả tự do					
1	Tổng số người bị tạm giữ	1.073	1.134	1.179	1.142	1.089
2	Cơ quan bắt trả tự do	134	163	93	44	19
3	Chuyển xử lý hành chính	13	18	50	7	7
4	Không chuyển xử lý hành chính	34	7	2	27	5
5	Trả tự do xử lý sau	0	0	0	0	0
Tỷ lệ chuyển xử lý hành chính		1,2%	1,58%	4,2%	0,6%	0,64%
Tỷ lệ không chuyển xử lý hành chính		3,16%	0,6%	0,1%	2,36%	0,45%

Nguồn: Phòng Thống kê – Viện kiểm sát Nhân dân tỉnh Kiên Giang [11].

Phụ lục 2:

Thống kê tình hình xử lý người bị tạm giữ được trả tự do từ 2011 -2015

STT	Năm	2011	2012	2013	2014	2015
	Trả tự do					
1	Tổng số người bị tạm giữ	1.073	1.134	1.179	1.142	1.089
2	Cơ quan bắt trả tự do	134	163	93	44	19
2.1	VKS hủy quyết định tạm giữ Theo khoản 3 Điều 86 BLTTHS	0	1	1	4	2
2.2	VKS không phê chuẩn gia hạn tạm giữ theo khoản 2 Điều 87 BLTTHS	1	1	1	3	6
2.3	Theo khoản 3 Điều 87 BLTTHS	0	0	0	0	0
3	VKS trả tự do theo điểm d khoản 2 Điều 22 Luật tổ chức Viện Kiểm sát 2014	0	0	0	0	0

Nguồn: Phòng Thống kê – Viện kiểm sát Nhân dân tỉnh Kiên Giang [11].